

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động cùng nền kinh tế trong nước phải đối mặt với vấn đề lạm phát đã đặt ra rất nhiều thách thức với các doanh nghiệp. Thách thức đó là: Lạm phát khiến cho giá cả hàng hóa leo thang người tiêu dùng cũng thắt chặt chi tiêu hơn, cẩn thận hơn trong việc lựa chọn sản phẩm vì vậy doanh nghiệp muốn có được lợi nhuận và có chỗ đứng trên thị trường thì doanh nghiệp phải giảm giá thành sản phẩm mà vẫn phải đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt. Và việc giảm giá thành sản phẩm và đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt liên quan chặt chẽ tới công tác quản lý và kế toán nguyên vật liệu.

Chúng ta biết rằng nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nó chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và trong giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, có tác động trực tiếp đến chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu còn là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng phản ánh trình độ quản lý, sử dụng vật tư, trình độ tổ chức công nghệ sản xuất sản phẩm, là cơ sở kế toán tính đúng chi phí sản xuất cho từng đơn vị sản phẩm và tổng giá vốn hàng bán. Nhất là trong điều kiện kinh tế nhiều khó khăn như hiện nay, việc sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả là mục tiêu quan trọng để doanh nghiệp thu được nhiều lợi nhuận nhất.

Do đó, việc tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu một cách khoa học, hợp lý, phù hợp với đặc điểm tổ chức, hoạt động kinh doanh và công nghệ sản xuất của doanh nghiệp là một mục tiêu quan trọng mà doanh nghiệp nào cũng muốn thực hiện được.

Nhận thức được vấn đề này, trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Hoàng Tân, em đã đi sâu tìm hiểu về phần hành kế toán nguyên vật liệu và chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Hoàng Tân” làm khóa luận tốt nghiệp cho mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 phần chính sau:

**Chương 1: Lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.**

**Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Hoàng Tân trong quý 1 năm 2011.**

**Chương 3: Một số nhận xét, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Hoàng Tân.**

Do thời gian và trình độ có hạn nên khóa luận của em chắc chắn không thể tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn

*Hải Phòng, Ngày 01 tháng 07 năm 2011*

Sinh viên

***Trịnh Thị Nhi***

## **Chương 1**

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

#### **1.1: KHÁI QUÁT VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

##### **1.1.1: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu**

###### **Khái niệm**

Nguyên vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

###### **Đặc điểm**

Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một quy trình sản xuất sản phẩm

Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu bị thay đổi hoàn toàn hình thái vật chất ban đầu.

Khi tham gia vào quá trình sản xuất giá trị của nguyên vật liệu được chuyển dịch toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới.

###### **Vai trò**

Nguyên vật liệu có vai trò là cơ sở vật chất hình thành nên sản phẩm, là một trong ba yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Việc cung cấp nguyên vật liệu có kịp thời hay không, số lượng chủng loại có phù hợp hay không, điều này ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình sản xuất kinh doanh. Mặt khác chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng chi phí sản xuất. Vì vậy trong quá trình sản xuất kinh doanh cần phải theo dõi quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu về cả mặt hiện vật và giá trị ở tất cả các khâu mua sắm dự trữ, bảo quản và sử dụng.

Ở khâu mua hàng phải quản lý việc thực hiện kế hoạch mua hàng về số lượng, khối lượng, chất lượng, qui cách, phẩm chất, chủng loại, giá mua, chi phí mua cũng như đảm bảo đúng tiến độ thời gian đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Ở khâu bảo quản phải tổ chức tốt kho tàng bên bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện đo lường cần thiết, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện chế độ bảo quản với từng loại nguyên vật liệu, tránh mất mát, đảm bảo an toàn tài sản.

Ở khâu sử dụng đòi hỏi phải sử dụng hợp lý, tiết kiệm chấp hành tốt các định mức dự toán nhằm tiết kiệm chi phí NVL góp phần quan trọng vào việc hạ giá thành sản phẩm, tăng doanh thu và tích lũy cho đơn vị .

### **1.1.2: Phân loại nguyên vật liệu**

Trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thường sử dụng nhiều loại NVL khác nhau. Để tiến hành công tác quản lý và hạch toán NVL có hiệu quả thì cần phải phân loại NVL thật tốt .

Phân loại NVL là căn cứ vào vai trò các tiêu thức nhất định để chia NVL sử dụng trong doanh nghiệp thành từng loại, từng thứ, từng nhóm.

**Theo tính năng sử dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh gồm:**

- *Nguyên vật liệu chính* : ( bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài ) là các nguyên liệu, vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm .

- *Vật liệu phụ* : là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể của sản phẩm nhưng có vai trò nhất định và cần thiết trong quá trình sản xuất .

Căn cứ vào công dụng VL phụ được chia thành các nhóm :

- + nhóm vật liệu làm tăng chất lượng nguyên vật liệu chính
- + nhóm vật liệu làm tăng chất lượng sản phẩm
- + nhóm vật liệu đảm bảo điều kiện cho quá trình sản xuất.

- *Nhiên liệu* :là loại vật liệu phụ trong quá trình sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng,tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở các thể rắn , thể lỏng ,thể khí.

- *Phụ tùng thay thế* : là những chi tiết phụ tùng máy móc thiết bị được dự trữ để sử dụng cho việc thay thế ,sửa chữa các bộ phận của máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ sản xuất.

- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản* : là các vật liệu và thiết bị dùng cho công tác xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định .

- *Phế liệu*: Là những phần vật chất mà doanh nghiệp có thể thu hồi được( bên cạnh các loại thành phẩm) trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Để phục vụ cho công tác quản lý và kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất, có thể căn cứ vào đặc tính lý hóa của từng loại để chia thành từng nhóm, từng thứ nguyên vật liệu.

**Theo nguồn hình thành, nguyên vật liệu chia thành:**

*Nguyên vật liệu hình thành từ nguồn mua ngoài*

*Nguyên vật liệu hình thành từ sản xuất*

*Nguyên vật liệu hình thành từ nhận góp vốn*

### **1.1.3: Tính giá NVL**

#### **1.1.3.1: Phương pháp giá gốc**

Kế toán nhập, xuất, và tồn kho Nguyên liệu, vật liệu được thực hiện theo giá gốc quy định trong chuẩn mực số 02 “Hàng tồn kho”. Nội dung giá gốc của NVL được xác định tùy theo từng nguồn nhập.

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, nên nội dung các yếu tố cấu thành giá gốc của nguyên vật liệu được xác định theo từng trường hợp nhập xuất.

#### **a) Trị giá gốc NVL Nhập kho**

**- Đối với NVL mua ngoài nhập kho được tính theo công thức sau:**

|                                                     |   |                                                                      |   |                                            |   |                                                       |
|-----------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------|
| Giá gốc<br>nguyên vật liệu<br>mua ngoài<br>nhập kho | = | Giá mua ghi trên<br>hóa đơn sau khi<br>trừ các khoản CK,<br>giảm giá | + | Các loại<br>thuế không<br>được hoàn<br>lại | + | Chi phí liên<br>quan trực tiếp<br>đến việc mua<br>NVL |
|-----------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------|

Các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho (chi phí bao bì, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, chi phí thuê kho, thuê bãi ... ) .

**- Đối với NVL tự chế biến nhập kho được tính theo công thức :**

|                                     |   |                                          |   |                     |
|-------------------------------------|---|------------------------------------------|---|---------------------|
| Giá gốc nguyên vật<br>liệu xuất kho | = | Giá gốc nguyên vật<br>liệu xuất chế biến | + | Chi phí<br>chế biến |
|-------------------------------------|---|------------------------------------------|---|---------------------|

Chi phí chế biến NVL bao gồm: những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như :Chi phí nhân công trực tiếp ,chi phí sản xuất chung cố định, chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chế biến NVL.

**-Đối với NVL thuê ngoài gia công chế biến nhập kho được tính theo công thức :**

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá gốc} & & \text{Giá gốc} & & \text{Tiền công} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{nguyên vật liệu} & & \text{nguyên vật liệu} & & \text{phải trả} & & \text{chuyển bốc dỡ} \\ \text{thuê GCCB} & = & \text{xuất kho thuê} & + & \text{cho người} & + & \text{và các chi phí có} \\ \text{nhập kho} & & \text{GCCB} & & \text{chế biến} & & \text{liên quan khác} \end{array}$$

**- Giá gốc của NVL nhận góp vốn liên doanh ,vốn cổ phần hoặc thu hồi vốn góp :**

Được ghi nhận theo giá thực tế do Hội đồng định giá lại và đã được chấp thuận cộng với các chi phí tiếp nhận (nếu có).

**- Giá gốc của NVL nhận biểu tặng**

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá gốc nguyên} & & \text{Giá trị hợp lý ban} & & \text{Các chi phí khác có} \\ \text{vật liệu nhập} & = & \text{đầu của nguyên vật} & + & \text{liên quan trực tiếp} \\ \text{kho} & & \text{liệu tương đương} & & \text{đến việc tiếp nhận} \end{array}$$

**-Giá gốc của NVL được cấp :**

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá gốc} & & \text{Giá ghi trên sổ của đơn vị} & & \text{Chi phí vận chuyển} \\ \text{nguyên vật} & = & \text{cấp trên hoặc giá được đánh} & + & \text{bốc dỡ, chi phí có liên} \\ \text{liệu nhập kho} & & \text{giá lại theo giá trị thuần} & & \text{quan trực tiếp khác} \end{array}$$

**- Giá gốc của phế liệu thu hồi:**

Là giá ước tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**b) Trị giá gốc của NVL xuất kho :**

Do giá gốc của nguyên vật liệu nhập kho từ các nguồn nhập khác nhau như đã trình bày ở trên, để tính giá gốc hàng xuất kho, kế toán có thể sử dụng một trong các phương pháp tính trị giá hàng tồn kho sau:

***Phương pháp tính theo giá đích danh :***

Giá trị thực tế của NVL xuất kho tính theo giá thực tế của từng lô hàng nhập. Áp dụng đối với những doanh nghiệp sử dụng ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt, có giá trị lớn hoặc có điều kiện bảo quản riêng từng lô.

***- Phương pháp bình quân gia quyền :***

Giá trị của loại NVL xuất kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại NVL tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại NVL tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ (bình quân gia quyền cuối kỳ). Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp (bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập).

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá trị thực tế nguyên} & & \text{Số lượng nguyên} & & \text{Đơn giá bình} \\ \text{vật liệu xuất kho} & = & \text{vật liệu xuất kho} & \times & \text{quân gia quyền} \end{array}$$

Trong đó giá đơn vị bình quân có thể tính một trong các phương án sau:

**Phương án 1: Tính theo giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ**

$$\begin{array}{ccccc} & \text{Giá trị thực tế NVL} & & \text{Giá trị thực tế NVL} & \\ & \text{tồn kho đầu kỳ} & + & \text{nhập kho trong kỳ} & \\ \text{Đơn giá bình} & & & & \\ \text{quân gia quyền} = & \frac{\text{Giá trị thực tế NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn kho trước khi nhập} + \text{Số lượng NVL nhập kho trong kỳ}} & & & \\ \text{cả kỳ dự trữ} & & & & \end{array}$$

Phương pháp 2: Tính theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

( còn gọi là giá bình quân gia quyền liên hoàn ) :

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \qquad \qquad \text{Giá trị thực tế NVL tồn} \qquad \qquad \text{Giá trị thực tế NVL} \\ \text{quân gia quyền} \quad = \quad \frac{\text{kho trước lần nhập n} + \text{nhập kho lần thứ n}}{\text{sau mỗi lần nhập} \qquad \text{Số lượng NVL tồn} \qquad \qquad \text{Số lượng NVL nhập kho}} \\ \qquad \qquad \qquad \qquad \qquad \text{kho trước lần nhập n} \quad + \quad \text{của lần nhập n} \end{array}$$

***-Phương pháp nhập trước xuất trước :***

Trong phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là NVL tồn kho được mua trước hoặc mua trước thì được xuất trước. Theo phương pháp này thì trị giá NVL xuất kho được tính theo giá của lô NVL nhập kho tại thời điểm đầu kỳ. Như vậy, giá trị của NVL tồn kho được tính theo giá của NVL nhập kho thuộc lần cuối hoặc ở gần cuối kì còn tồn kho.

***-Phương pháp Nhập sau Xuất trước:***

Trong phương pháp này áp dụng trong giả định là NVL tồn kho được mua sau thì được xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Theo phương pháp này thì trị giá NVL xuất kho được tính theo giá của lô NVL nhập sau hoặc gần sau cùng , giá trị của NVL tồn kho được tính theo giá trị của NVL nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

**1.1.3.2: Phương pháp giá hạch toán :**

Áp dụng với những doanh nghiệp có quy mô lớn, sản xuất nhiều mặt hàng thường sử dụng nhiều loại, nhóm, thứ NVL, hoạt động nhập, xuất NVL diễn ra thường xuyên ,liên tục nếu áp dụng nguyên tắc tính theo giá gốc (giá trị thực tế) thì rất phức tạp, khó đảm bảo yêu cầu kịp thời của kế toán. Doanh

ng nghiệp có thể xây dựng hệ thống giá hạch toán để ghi chép hàng ngày trên phiếu nhập, phiếu xuất, và sổ kế toán chi tiết NVL.

Giá hạch toán là giá do kế toán của doanh nghiệp tự xây dựng có thể là giá kế hoạch, hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được trên thị trường. Giá hạch toán được sử dụng thống nhất trong toàn doanh nghiệp và được sử dụng tương đối ổn định lâu dài. Trường hợp có sự biến động lớn về giá cả doanh nghiệp cần xây dựng lại hệ thống giá hạch toán.

Kế toán tổng hợp NVL phải tuân thủ nguyên tắc tính theo giá thực tế. Cuối tháng kế toán phải xác định hệ số chênh lệch giữa giá trị thực tế và giá trị hạch toán của từng thứ (nhóm hoặc loại) NVL để điều chỉnh giá hạch toán xuất kho thành giá thực tế.

**Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của từng loại nguyên liệu, vật liệu được tính theo công thức sau :**

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế NVL} \quad \text{Giá trị thực tế NVL} \\ \text{Hệ số chênh} \quad \text{tồn kho đầu kỳ} \quad + \quad \text{nhập kho trong kỳ} \\ \text{lệch giá} \quad = \quad \frac{\quad}{\quad} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị hạch toán NVL} \quad \text{Giá trị hạch toán NVL} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \quad + \quad \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế nguyên} \quad \text{Giá trị hạch toán nguyên} \quad \text{Hệ số chênh} \\ \text{vật liệu xuất kho} \quad = \quad \text{vật liệu xuất kho} \quad \times \quad \text{lệch giá} \end{array}$$

### **1.1.4: Nhiệm vụ, yêu cầu đối với kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất**

#### **Nhiệm vụ**

(1) Phản ánh chính xác, kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị và thời gian cung cấp.

(2) Tính toán và phân bổ chính xác, kịp thời trị giá nguyên vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng nguyên vật liệu sai mục đích, lãng phí.

(3) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ nguyên vật liệu, phát hiện kịp thời các loại nguyên vật liệu ứ đọng, kém phẩm chất, chưa dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng, hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra.

(4) Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo về nguyên vật liệu, tham gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu.

#### **Yêu cầu**

(1) Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ nhập, xuất kho nguyên vật liệu phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán.

(2) Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định số liệu kế toán.

(3) Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác số liệu kế toán.

(4) Phản ánh trung thực hiện trạng: Số lượng, chất lượng, đơn giá... của các nghiệp vụ nhập- xuất nguyên vật liệu.

(5) Phân loại sắp xếp thông tin, số liệu kế toán về nguyên vật liệu theo trình tự có hệ thống và có thể so sánh được.

### **1.1.5: Thủ tục quản lý Nhập - Xuất - Tồn kho nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.**

#### ***Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu:***

Bộ phận cung cấp vật tư căn cứ theo kế hoạch mua hàng và hợp đồng mua hàng đã kí kết, phiếu báo giá để tiến hành mua nguyên vật liệu. Khi nguyên vật liệu đã mua về tới nơi, lập ban kiểm nghiệm để kiểm nhận và đánh giá nguyên vật liệu đã mua về các mặt số lượng, khối lượng, chất lượng và quy cách. Căn cứ vào kết quả kiểm nghiệm ban kiểm nghiệm lập " Biên bản kiểm nghiệm nguyên vật liệu ". Sau đó thủ kho lập " Phiếu nhập kho " trên cơ sở hoá đơn, và biên bản kiểm nghiệm vật tư và làm thủ tục nhập kho. Thủ kho sau khi cân, đóng, đo, đếm sẽ ghi số lượng thực nhập vào Phiếu nhập kho và sử dụng để phản ánh số lượng nhập và tồn của từng thứ nguyên vật liệu vào Thẻ kho, trường hợp phát hiện thừa thiếu sai quy và phẩm chất Thủ kho phải báo cho bộ phận cung ứng biết và cùng người giao lập biên bản. Hàng ngày hoặc định kỳ Thủ kho chuyển giao Phiếu nhập kho cho kế toán nguyên vật liệu làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

#### ***Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu :***

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh các bộ phận sử dụng nguyên vật liệu viết phiếu xin lĩnh nguyên vật liệu. Căn cứ vào Phiếu xin lĩnh nguyên vật liệu bộ phận cung cấp vật tư viết phiếu xuất kho trình giám đốc duyệt. Căn cứ vào Phiếu xuất kho, Thủ kho xuất vật liệu và ghi số thực xuất vào Phiếu xuất, sau đó ghi số lượng xuất và tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu vào Thẻ kho. Hàng ngày hoặc định kỳ Thủ kho chuyển Phiếu xuất kho cho kế toán vật tư, kế toán tính giá hoàn chỉnh Phiếu xuất để lấy số liệu ghi sổ kế toán.

### **Chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc :**

Chứng từ kế toán sử dụng được quy định theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC và các quyết định khác có liên quan , bao gồm :

- + Hoá đơn GTGT
- + Phiếu nhập kho
- + Phiếu xuất kho
- + Biên bản kiểm kê

.....

Đối với các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước, phải lập kịp thời, đầy đủ theo quy định về mẫu biểu, nội dung và phương pháp. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Ngoài ra tùy thuộc vào tình hình của từng doanh nghiệp kế toán có thể sử dụng những chứng từ sau:

- + Phiếu xuất kho vật tư theo hạn mức
- + Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- + Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ

.....

### **1.2: CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.**

Kế toán của doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, mở sổ kế toán chi tiết có liên quan phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp nhằm phục vụ cho công tác quản lý tài sản nói chung và quản lý nguyên vật liệu nói riêng.

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu đòi hỏi phải phản ánh cả về mặt giá trị, số lượng, chất lượng... của từng thứ nguyên vật liệu.

Hiện nay chế độ kế toán quy định việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện đồng thời ở kho và ở phòng kế toán được tiến hành theo các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mỗi một phương pháp trên đều có những ưu điểm, nhược điểm riêng trong công việc ghi chép, phản ánh, kiểm tra đối chiếu số liệu. Kế toán căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp về quy mô chủng loại vật tư sử dụng, trình độ và yêu cầu quản lý, trình độ của nhân viên kế toán, mức độ ứng dụng tin học trong công tác kế toán nguyên vật liệu để áp dụng phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu thích hợp, phát huy hiệu quả của công tác kế toán.

#### **1.2.1: Hạch toán chi tiết nguyên NVL theo phương pháp thẻ song song**

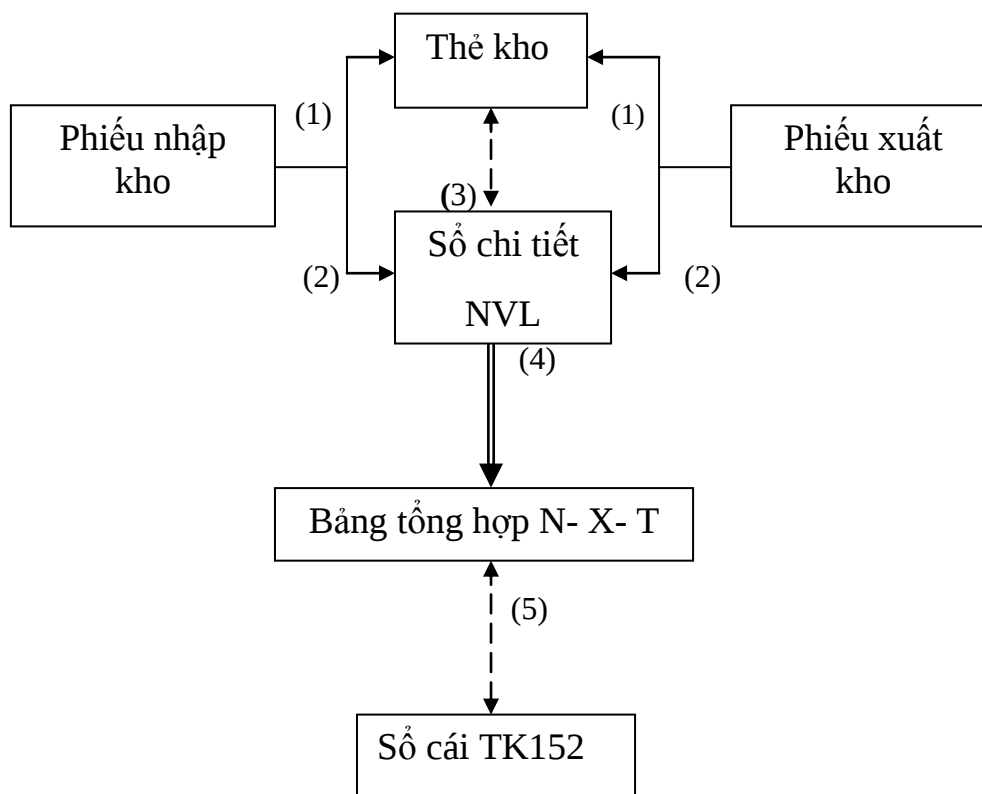
+ Đặc điểm của phương pháp thẻ song song là sử dụng các sổ chi tiết để theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động của từng loại nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị.

+ Ưu điểm : Việc ghi sổ đơn giản , rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu phát hiện sai sót trong việc ghi chép và quản lý.

+ Nhược điểm : Việc ghi chép giữa kho và kế toán bị trùng lặp, việc kiểm tra đối chiếu dồn hết vào cuối tháng không đảm bảo yêu cầu kịp thời.

+ Điều kiện vận dụng: thích hợp với các doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, trình độ chuyên môn của kế toán còn hạn chế.

**Sơ đồ 1.1: Trình tự kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song**



**Ghi chú:**

—————→ : Ghi hàng ngày

====> : Ghi cuối tháng

←---→ : Đối chiếu kiểm tra

(1) Tại kho: Hằng ngày, Thủ kho căn cứ vào chứng từ phát sinh như: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho NVL phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm nguyên vật liệu về mặt số lượng vào thẻ kho.

(2) Tại phòng kế toán: Hằng ngày hoặc định kỳ, kế toán sau khi nhận Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho từ thủ kho tiến hành phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm NVL về cả mặt số lượng và giá trị trên sổ chi tiết NVL.

(3) Tiến hành đối chiếu, so sánh giữa Sổ chi tiết và Thẻ kho.

(4) Cuối tháng, kế toán tiến hành lập Bảng tổng hợp nhập- xuất – tồn (sau khi đã đối chiếu và đảm bảo số liệu đã khớp đúng).

(5) Số liệu trên Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu dùng để đối chiếu với số liệu trong Sổ cái TK152 “Nguyên vật liệu”.

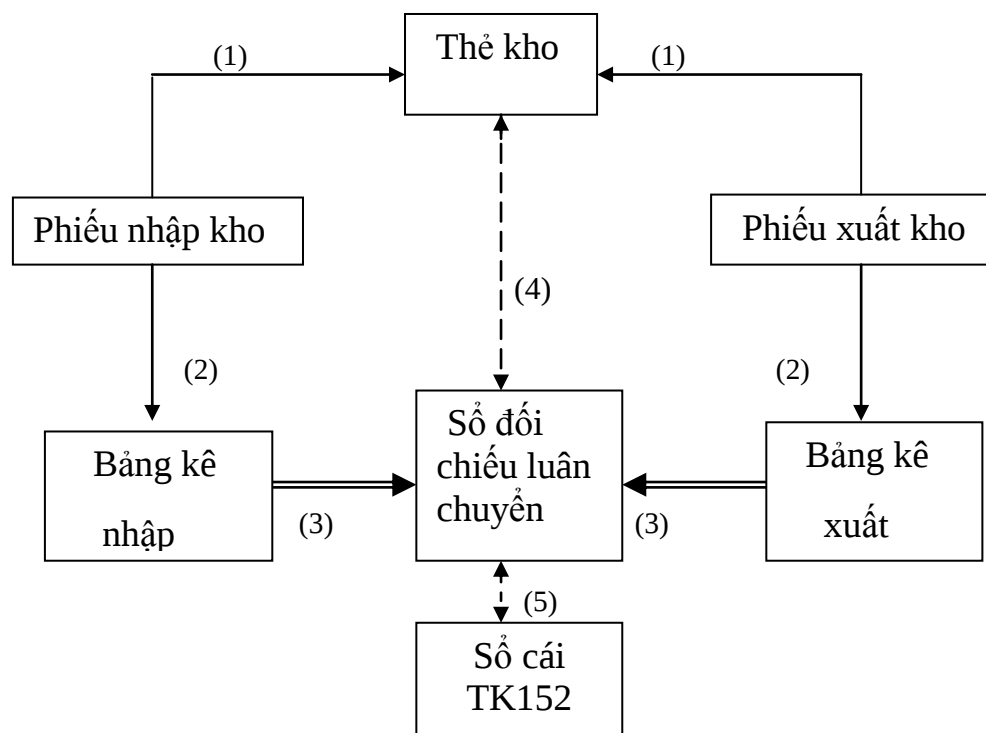
### **1.2.2: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.**

+Đặc điểm của phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển là sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để theo dõi biến động của NVL về cả số lượng và giá trị.

+Ưu điểm: giảm khối lượng ghi sổ kế toán (ghi một lần vào cuối tháng).

+ Nhược điểm: Việc ghi sổ kế toán vẫn bị trùng lặp với thẻ kho về mặt số lượng. Công việc tập trung vào cuối tháng nhiều, kế toán cũng phải chịu áp lực nhiều, ảnh hưởng đến tính kịp thời và đầy đủ của việc cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng khác nhau.

### **Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển :**



**Ghi chú:**

—————→ : Ghi hàng ngày

=====→ : Ghi cuối tháng

←-----→ : Đối chiếu kiểm tra

(1) Tại kho: Hàng ngày, Thủ kho căn cứ vào chứng từ phát sinh như: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho NVL phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm nguyên vật liệu về mặt số lượng vào thẻ kho.

(2) Tại phòng kế toán: Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi nhận được chứng từ tại kho, kế toán kiểm tra, ghi giá và phản ánh vào các bảng kê nhập, xuất cả về số lượng và giá trị theo từng loại nguyên vật liệu.

(3) Cuối tháng, kế toán tổng hợp số lượng và giá trị từng loại nguyên vật liệu đã nhập, xuất trong tháng và tiến hành vào sổ đối chiếu luân chuyển.

(4) Kế toán đối chiếu số liệu nguyên vật liệu tồn kho chi tiết theo từng loại trên sổ đối chiếu luân chuyển với số liệu trên thẻ kho.

(5) Sau khi đã đối chiếu và đảm bảo số liệu khớp đúng, kế toán tiến hành tính tổng trị giá nguyên vật liệu nhập – xuất – tồn trong kỳ và tồn cuối kỳ. Số liệu này dùng để đối chiếu với số liệu trên sổ cái TK 152 “Nguyên vật liệu”.

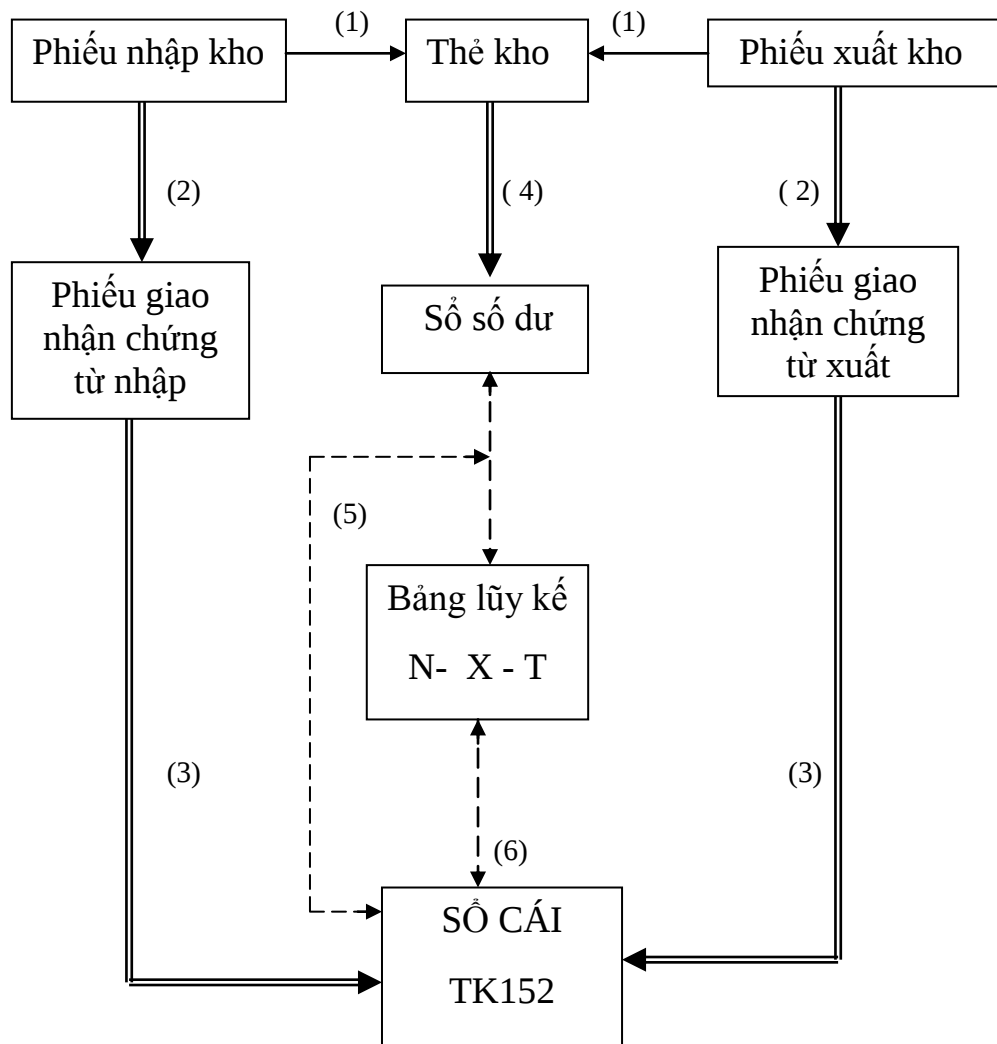
**1.2.3: Phương pháp sổ số dư ( mức dư ) :**

+ Đặc điểm của phương pháp sổ số dư là sử dụng sổ số dư để theo dõi sự biến động của từng loại nguyên vật liệu chỉ về mặt giá trị theo giá hạch toán. Do đó phương pháp này chỉ dùng cho doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để ghi sổ kế toán trong kỳ.

+ Ưu điểm: giảm nhẹ khối lượng ghi chép hàng ngày, do kế toán chi tiết NVL chỉ theo dõi về mặt giá trị, tránh việc trùng lặp, công việc kế toán tiến hành hàng ngày, kiểm tra, giám sát thường xuyên.

+Nhược điểm : khó phát hiện được nguyên nhân khi đối chiếu phát hiện ra sai sót, yêu cầu trình độ quản lý của Thủ kho và Kế toán phải cao.

**- Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán chi tiết vật tư theo phương pháp sổ số dư**



**Ghi chú:**  $\longrightarrow$  : Ghi hàng ngày

$\Longrightarrow$  : Ghi cuối tháng

$\longleftrightarrow$  : Đối chiếu kiểm tra

(1)Tại kho: Hằng ngày, Thủ kho căn cứ vào chứng từ phát sinh như: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho NVL phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm nguyên vật liệu về mặt số lượng vào thẻ kho.

(2) Định kỳ, sau khi nhận chứng từ tại kho (đã được thủ kho phân loại theo chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu) kế toán kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và ký vào phiếu giao nhận chứng từ, thu về phòng kế toán. Căn cứ vào giá hạch toán để ghi giá vào phiếu giao nhận chứng từ.

(3) Căn cứ vào phiếu giao nhận chứng từ nhập(xuất), kế toán phản ánh số liệu vào Bảng lũy kế nhập – xuất – tồn kho từng loại nguyên vật liệu.

(4) Cuối tháng, căn cứ vào Thẻ kho, thủ kho ghi số lượng nguyên vật liệu tồn kho vào sổ số dư.

(5) Cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu nhập, xuất trong tháng, xác định số dư cuối tháng của từng loại nguyên vật liệu trên bảng lũy kế. So sánh, đối chiếu Bảng lũy kế nhập – xuất – tồn với Sổ số dư.

(6) Cuối tháng, đối chiếu số liệu tổng cộng trên Bảng lũy kế nhập – xuất – tồn với số liệu trên Sổ cái TK152.

### 1.3: KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU

Tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, vào yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ kế toán cũng như các quy định của chế độ kế toán hiện hành, việc hạch toán nguyên vật liệu có thể áp dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

#### **1.3.1: Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Phương pháp kê khai thường xuyên theo dõi phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tăng, giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên, liên tục trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp khi có chứng từ nhập xuất hàng tồn kho. Như vậy xác định giá trị thực tế vật liệu xuất dùng được căn cứ vào chứng từ xuất kho sau khi đã được tập hợp, phân loại theo các đối tượng sử dụng để ghi

vào sổ tài khoản và sổ kế toán. Ngoài ra giá trị vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho trên tài khoản sổ kế toán xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ kiểm tra.

Trị giá

Trị giá

Trị giá

Trị giá

hàng tồn kho = hàng tồn kho + hàng nhập kho - hàng xuất kho

Cuối kỳ

đầu kỳ

trong kỳ

trong kỳ

Cuối kỳ kế toán, so sánh giữa số liệu kiểm kê thực tế vật tư, hàng hóa tồn kho và số liệu vật tư, hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời, đồng thời điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán về số liệu kiểm kê thực tế.

**+Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm kê vật tư

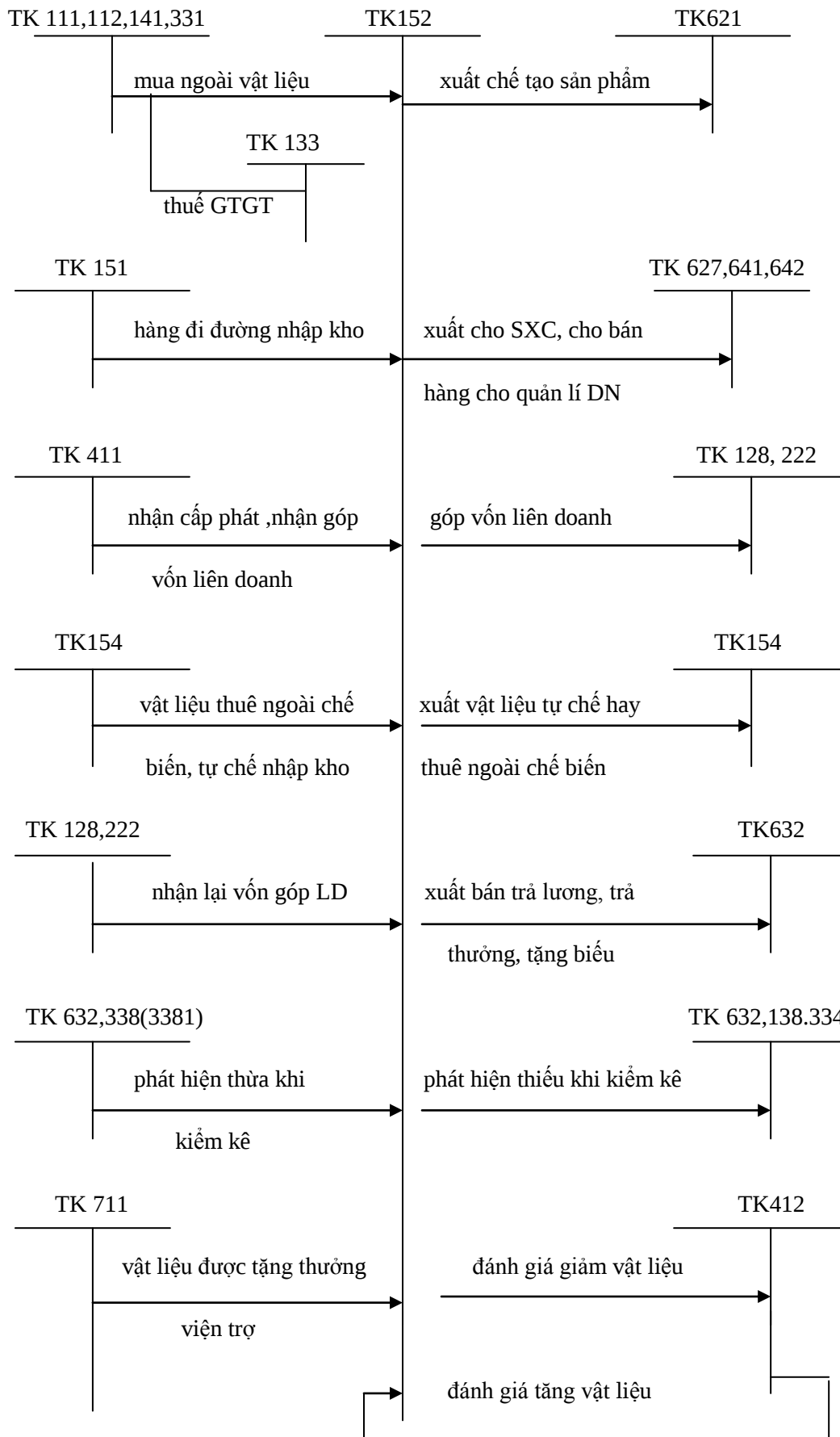
**+Tài khoản sử dụng:**

**TK 152 –Nguyên vật liệu :** Để phản ánh giá trị hiện có tình hình tăng giảm các loại NVL trong kho của doanh nghiệp.

**TK 151- hàng đang đi trên đường :** Để phản ánh giá trị vật tư hàng hoá mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, đang trên đường vận chuyển, hoặc đã về tới doanh nghiệp nhưng đang chờ nhập kho.

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng các tài khoản khác có liên quan như: TK111, TK112, TK133, TK331...

**Sơ đồ 1.4:** Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKTX(thuế gtgt khấu trừ)



### **1.3.2: Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Phương pháp KKĐK là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên liên tục về tình hình biến động của các loại vật tư , hàng hoá , sản phẩm trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ , xác định lượng tồn kho thực tế . Từ đó xác định lượng xuất dùng cho SXKD và các mục đích khác trong kỳ theo công thức :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} \\ \text{vật liệu xuất} & = & \text{vật liệu tồn} & + & \text{vật liệu tăng} & - & \text{vật liệu tồn} \\ \text{trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này thường áp dụng ở các doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa với quy cách mẫu mã đa dạng, giá trị thấp, được xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên. Phương pháp này đơn giản giảm nhẹ khối lượng công việc nhưng độ chính xác của giá trị vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng công tác quản lý vật tư, hàng hóa tại kho hàng.

#### **+ Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm kê vật tư

#### **+ Tài khoản kế toán chủ yếu sử dụng**

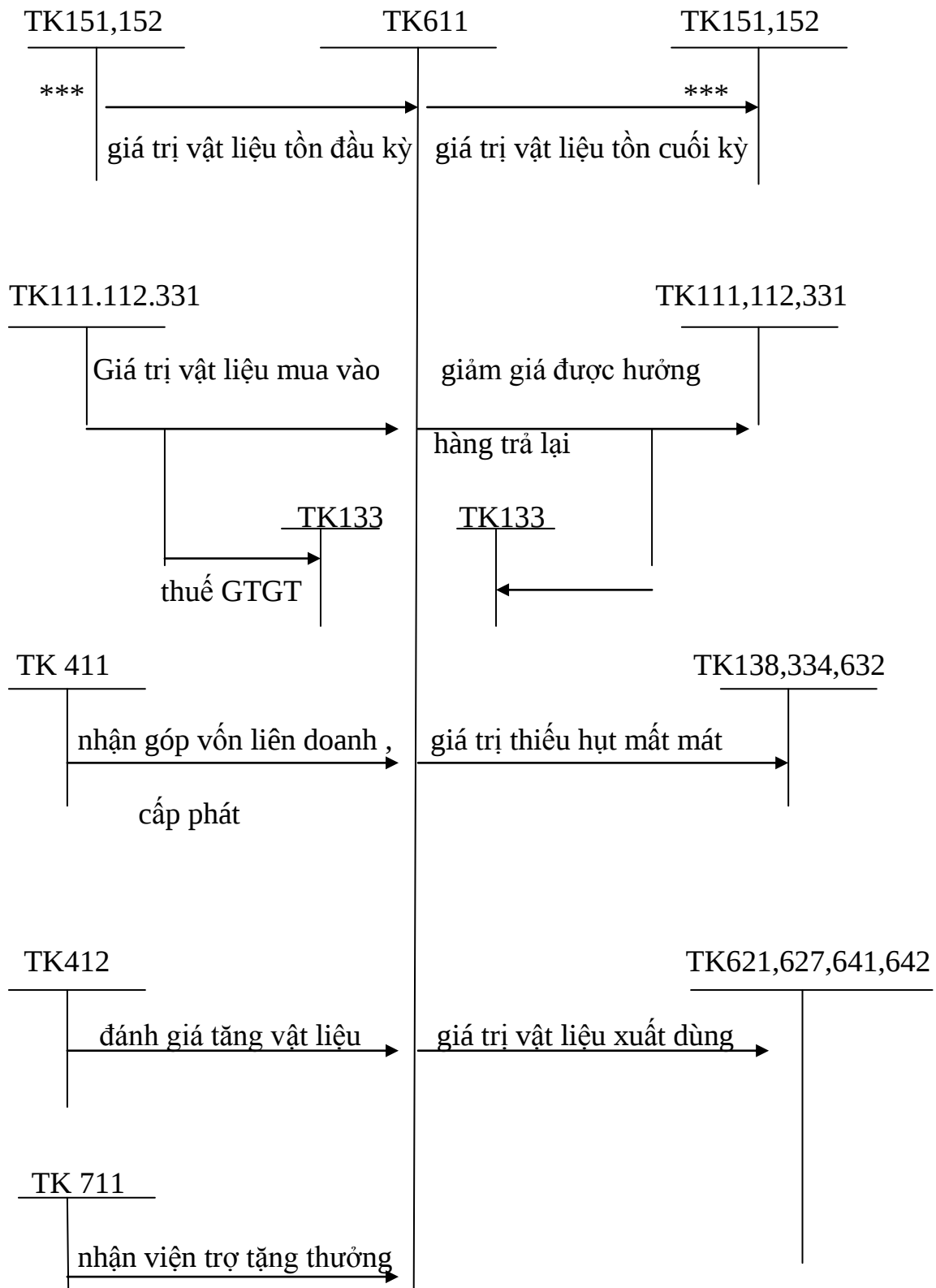
**TK 611- mua hàng :** Dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào trong kỳ.

**TK 152- nguyên liệu vật liệu**

**TK151- hàng mua đang đi đường**

Ngoài ra trong quá trình hạch toán còn sử dụng một số tài khoản có liên quan như TK111, TK112, TK133, TK331...

**+ Sơ đồ 1.5:** Kế toán tổng hợp nguyên liệu vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ (doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) :



## 1.4: TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN

### 1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

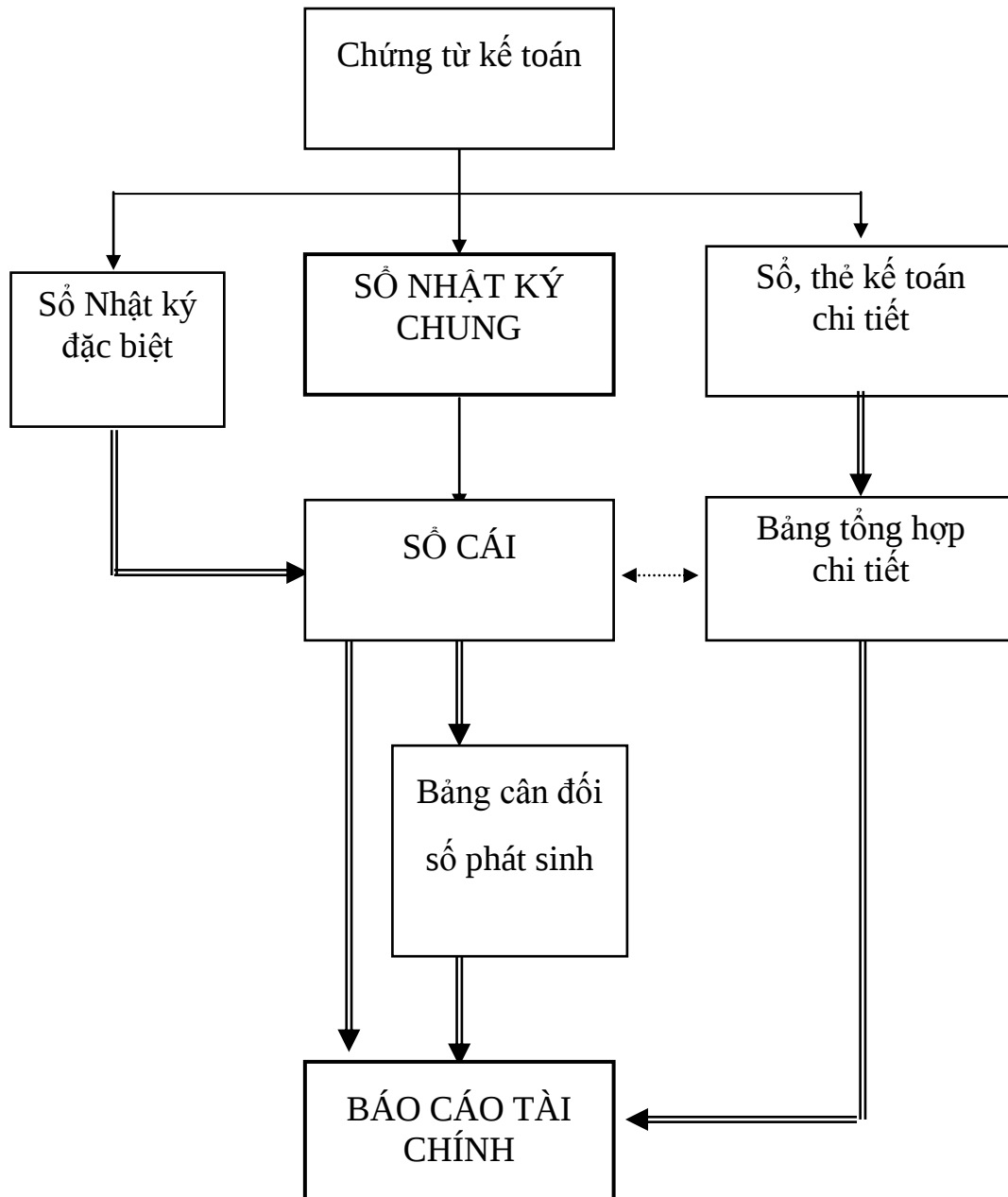
Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối sổ phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

**Sơ đồ 1.6:** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

### **1.4.2: Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

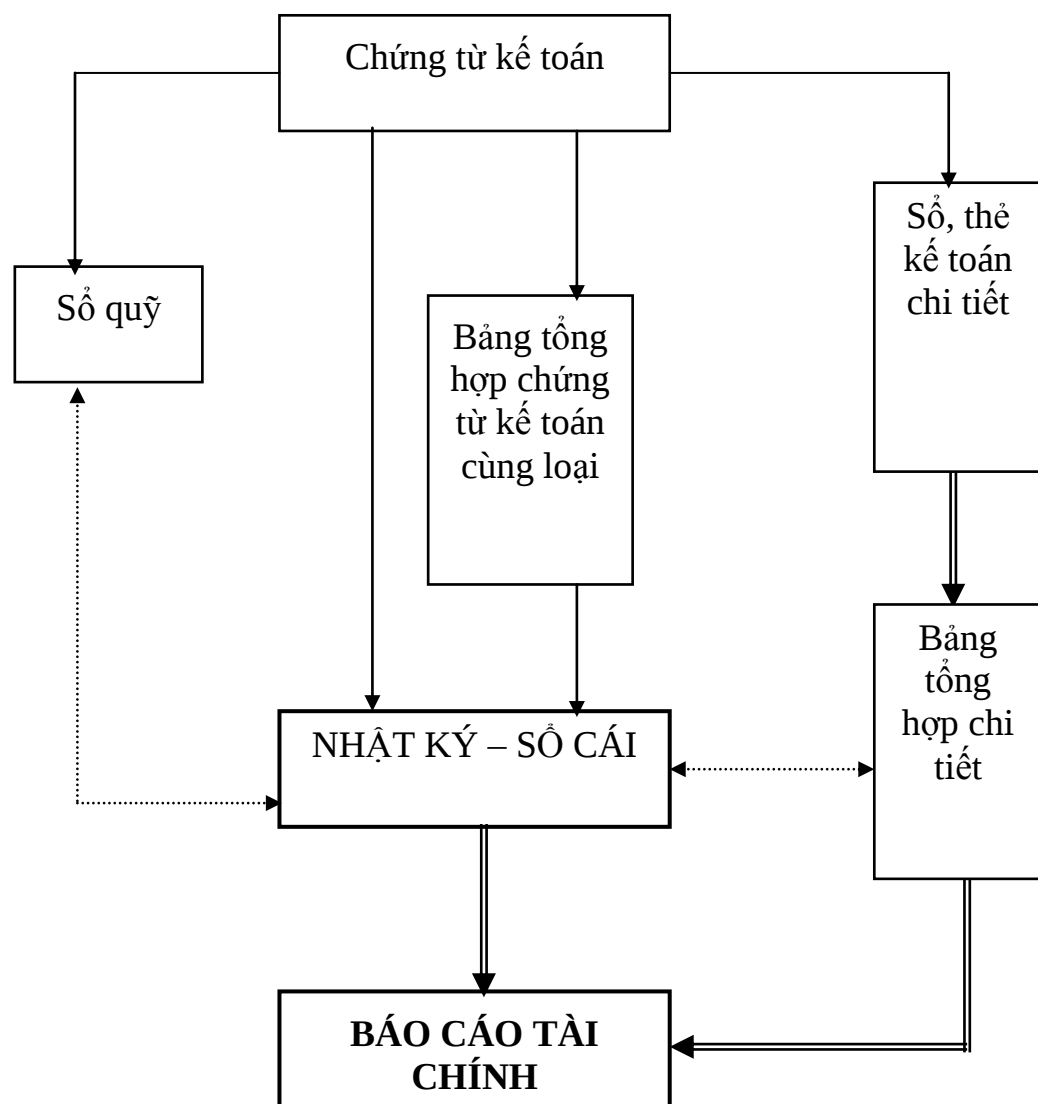
$$\begin{array}{ccccc}
 \text{Tổng số tiền của cột} & & \text{Tổng số phát sinh} & & \text{Tổng số phát sinh} \\
 \text{"Phát sinh" ở phần Nhật} & = & \text{Nợ của tất cả các} & = & \text{Có của tất cả các} \\
 \text{ký} & & \text{Tài khoản} & & \text{Tài khoản} \\
 \\
 \text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} & = & \text{Tổng số dư Có các tài khoản}
 \end{array}$$

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập "Bảng tổng hợp chi tiết" cho từng tài khoản. Số

liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký – Sổ Cái**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng →

Đối chiếu, kiểm tra ↔

### **1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

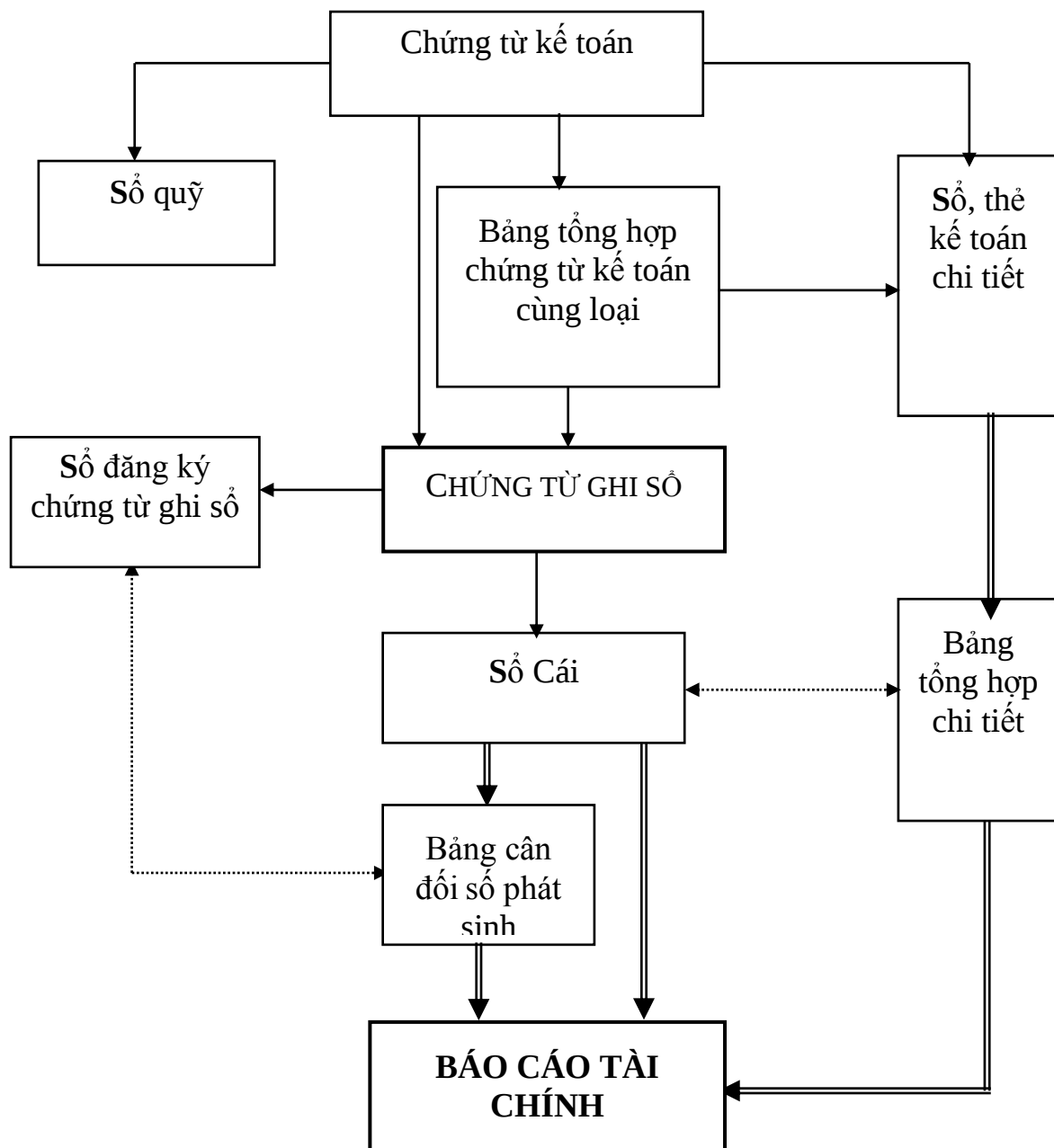
- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết ( lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

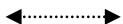
**Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng Từ Ghi Sổ**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối tháng 

Đối chiếu, kiểm tra 

#### **1.4.4: Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ**

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

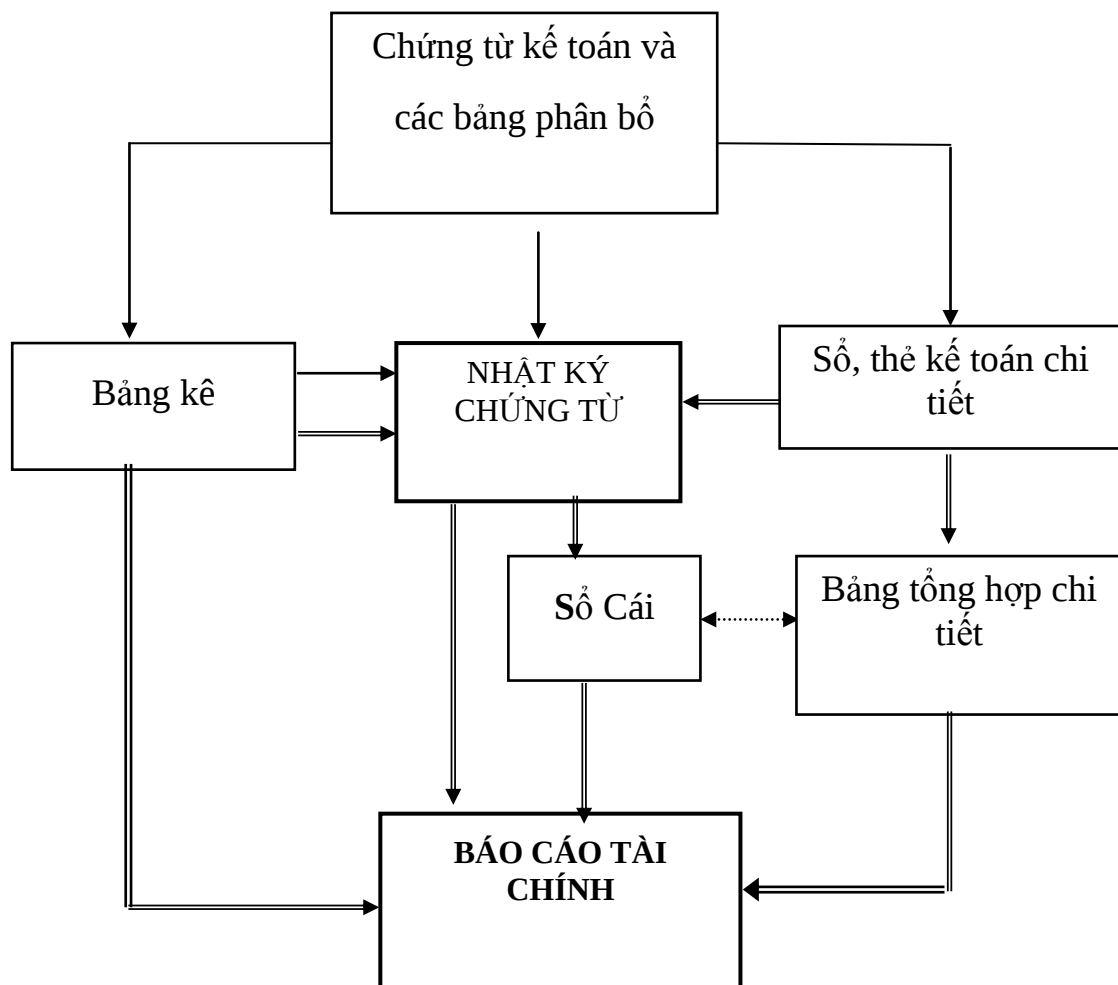
Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký-Chứng Từ**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

**1.4.5: Hình thức kế toán trên máy vi tính**

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

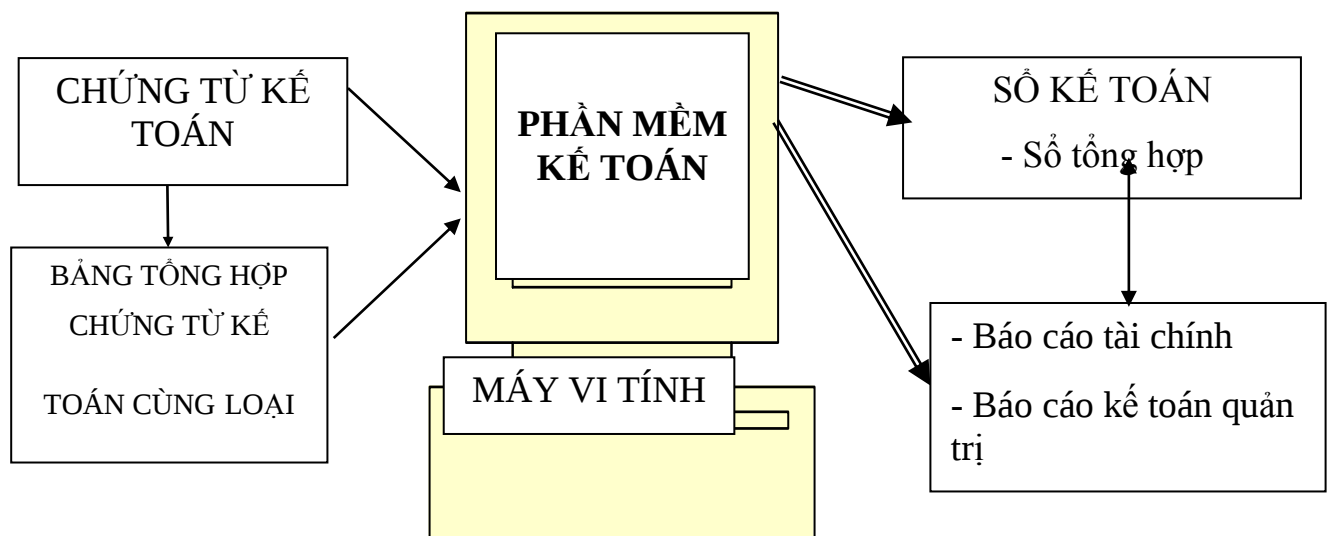
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán

chi tiết liên quan.

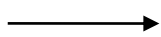
Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



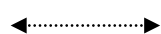
**Ghi chú:**



Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra

## 1.5: VẤN ĐỀ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

### **Khái niệm**

Việc trích lập dự phòng là để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán. Việc lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu là sự ghi nhận về phương diện kế toán một khoản giảm giá trị của nguyên vật liệu do những nguyên nhân mà hậu quả của chúng chưa chắc chắn nhằm tránh rủi ro trong kinh doanh.

### **Thời điểm lập dự phòng**

Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu được trích lập vào thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

### **Nguyên tắc xác lập dự phòng**

Việc trích lập dự phòng phải do một hội đồng bao gồm các thành viên bắt buộc là giám đốc, kế toán trưởng, các trưởng phòng có liên quan và một số chuyên gia (nếu cần) tiến hành thẩm định mức dự phòng trích lập dự phòng.

Việc trích lập dự phòng phải tính riêng cho từng loại nguyên vật liệu. Sau đó phải tổng hợp và lập bảng kê chi tiết dự phòng từng loại nguyên vật liệu.

Việc trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu phải dựa trên các bằng chứng đáng tin cậy về sự giảm giá của từng loại nguyên vật liệu vào cuối mỗi niên độ kế toán.

Tài khoản sử dụng là TK159” Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.

## 1.6: VẤN ĐỀ KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU

Kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho là nhằm xác định số lượng, chất lượng, giá trị từng loại nguyên vật liệu hiện có của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu, phát hiện và xử lý kịp thời những nguyên vật liệu hao hụt, hư hỏng, kém phẩm chất, ngăn ngừa hiện tượng tham ô lãng phí nguyên vật liệu. Có biện pháp xử lý kịp thời những hiện tượng tiêu cực nhằm chấn chỉnh và đưa công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vào nề nếp.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN TRONG QUÝ I NĂM 2011**

#### **2.1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN**

- Tên công ty: Công ty cổ phần Hoàng Tân
- Tên viết bằng tiếng anh: HoangTan joint stock company
- Tên viết tắt: Hoàng Tân . JSC
  - Trụ sở chính tại : số 49 Nguyễn Bình – Quận Ngô Quyền- HP
  - Địa điểm kinh doanh tại : Số1, km 92+600, Phường Hùng Vương Quận Hồng Bàng- Hải Phòng.
  - Điện thoại: 0313798775 – 0313829189.
  - Fax: 0313829189
  - Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng Việt Nam
- Công ty hoạt động theo chế độ hạch toán độc lập có đầy đủ tư cách pháp nhân, TK tiền Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng, có con dấu riêng để giao dịch.
- Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh:
  - Đại lý độc quyền dầu nhớt Valvolite (USA) tại Hải Phòng.
  - Sản xuất phụ tùng nhựa cho xe 2 bánh gắn máy.
  - Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp theo đơn đặt hàng và các sản phẩm dân dụng.
  - Nhập khẩu và phân phối hạt nhựa các loại
  - Kinh doanh máy công trình, ô tô tải các loại (đặc biệt nhập theo đơn đặt hàng).
  - Xuất nhập khẩu thép, sắt vụn...
  - Cho thuê kho bãi...

### **2.1.1: Sự ra đời và phát triển**

• Công ty đã trải qua những bước xây dựng và trưởng thành tính đến nay là 10 năm. Cụ thể:

• Được thành lập theo quyết định số 635 QĐ/TCC – LĐ thành lập doanh nghiệp ngày 27/2/1995 của bộ giao thông vận tải.

• Ngày 24/5/2001 công ty chính thức được thành lập theo quyết định số 78 QĐ/TCCB- LĐ của tổng công ty cơ khí GTVT( nay là tổng công ty công nghiệp ô tô).

• Đến đầu năm 2007 theo quyết định của Tổng công ty Thương Mại và đầu tư giao thông vận tải Xí nghiệp sản xuất phụ tùng xe gắn máy đã chuyển thành Công ty cổ phần Hoàng Tân nằm ở Km 92 + 600 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng với tổng diện tích đất sử dụng lâu dài là: 16 000 m<sup>2</sup>.

• Tổng diện tích văn phòng :600 m<sup>2</sup> với công trình nhà kiên cố 3 tầng.

• Tổng diện tích nhà xưởng và kho hàng trên 10 000 m<sup>2</sup>, loại nhà khung thép tiền chế đạt tiêu chuẩn .

• Kho, xưởng sản xuất hiện đại với đầy đủ các công trình phụ trợ như : khu xử lý nước, đường đi nội bộ, hệ thống cấp điện .....

Kể từ ngày thành lập đến nay, Hoàng Tân JSC đã không ngừng phát triển, phạm vi kinh doanh đã mở rộng nhiều. Hoạt động trong cả lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại.

Trong lĩnh vực sản xuất, công ty sở hữu một nhà máy chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và nhựa dân dụng với diện tích trên 7000m<sup>2</sup> với năng lực sản xuất rất lớn.

#### **Thuận lợi :**

Hiện nay, thị hiếu của người tiêu dùng đã thay đổi rất nhiều so với trước, họ luôn tìm cho mình những sản phẩm có chất lượng, bền đẹp, tiết kiệm năng lượng và giá cả vừa phải và quan trọng hơn người Việt bây giờ cũng bắt đầu ưa chuộng hàng Việt chính vì vậy các công ty sản xuất (lắp ráp) máy giặt, tủ lạnh, xe container... tại Việt Nam có chỗ đứng trên thị trường, điều đó dẫn đến

các sản phẩm nhựa công nghiệp của công ty được đặt hàng nhiều, tạo điều kiện cho công ty phát triển đi lên.

Các sản phẩm nhựa dân dụng của công ty cũng được người tiêu dùng sử dụng nhiều vì tính năng bền, đẹp, giá cả vừa phải.

### **Khó khăn :**

Lạm phát kinh tế xảy ra, giá cả leo thang tất cả các doanh nghiệp đều phải chịu ảnh hưởng. Riêng Công ty Cổ phần Hoàng Tân cũng bị ảnh hưởng nhiều bởi nguồn nguyên vật liệu đầu vào cũng tăng cao khiến giá thành sản phẩm tăng cao, người dân tiết kiệm trong chi tiêu khiến mức tiêu thụ các mặt hàng cũng bị sụt giảm nhiều và công ty phải cố gắng rất nhiều để tồn tại và phát triển.

Tình hình thế giới có nhiều biến động cũng làm ảnh hưởng đến công ty, bởi một số loại nguyên vật liệu của công ty nhập khẩu từ nước ngoài, trong 2 năm vừa qua tình hình giá cả nguyên vật liệu công ty nhập về tăng nhiều gây giá thành sản phẩm cũng tăng khiến việc tiêu thụ sản phẩm cũng gặp phải khó khăn.

Ngành sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và các mặt hàng nhựa dân dụng là một ngành tiềm năng nên công ty phải đối đầu với nhiều đối thủ cạnh tranh mạnh.

Điều đó đã đặt ra rất nhiều thách thức cho công ty, đòi hỏi công ty phải cạnh tranh quyết liệt để có lợi nhuận cho doanh nghiệp, để có chỗ đứng trên thị trường, để đảm bảo theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp cùng ngành và mở rộng thị trường. Trong những năm gần đây công ty đã lên kế hoạch mở rộng sản xuất bằng những biện pháp như mở rộng nhà xưởng, mua sắm thêm máy móc thiết bị mới, tuyển thêm nhiều công nhân có tay nghề cao, sản xuất thêm nhiều sản phẩm phong phú hơn, mở rộng hơn về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại của công ty.

### **2.1.2: Tổ chức, bộ máy quản lý của công ty**

Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo kiểu trực tuyến – chức năng, với cơ cấu này các phòng ban có chức năng và nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc, vừa phát huy được năng lực chuyên môn của các phòng ban chức năng vừa bảo đảm

quyền chỉ huy, điều hành của giám đốc, phó giám đốc, Đứng đầu công ty là chủ tịch Hội đồng quản trị, bên dưới là Giám đốc, Phó giám đốc, và các phòng ban, Xưởng sản xuất.

### Hội đồng quản trị

HDQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty. HDQT có quyền quyết định cơ cấu tổ chức của công ty, quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, bầu và bãi nhiệm Giám đốc.

### Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước hội đồng Quản trị và pháp luật về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

### Phó giám đốc

Là người giúp Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân công và thực hiện

### Các phòng ban

Các phòng ban chức năng được tổ chức theo yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh, chịu sự lãnh đạo của ban giám đốc đồng thời trợ giúp ban giám đốc Công ty chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh đi đúng hướng mục tiêu đề ra và hoàn thành tốt mục tiêu đó. Bên cạnh đó các phòng ban có mối liên hệ chặt chẽ và thống nhất với nhau để đảm bảo việc sản xuất được xuyên suốt và thuận lợi.

+Phòng kế hoạch và kinh doanh: Đưa ra những kế hoạch cũng như chiến lược kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, đẩy mạnh việc bán hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá.

+ Phòng tổ chức hành chính: có nhiệm vụ quản lý, tuyển dụng, đào tạo, bố trí, sắp xếp lao động cho Công ty.

+ Phòng kỹ thuật vật tư: Chịu trách nhiệm quản lý các thiết bị máy móc, về giao nhận và quyết toán vật tư và các thiết bị chính, quản lý và mua sắm các nguyên vật liệu, phương tiện và các công cụ dụng cụ cung cấp cho việc sản xuất.

+ Phòng tài chính kế toán: Là bộ phận cung cấp số liệu và tài liệu cho ban Giám đốc phục vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích các hoạt động kinh tế phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Phòng tài chính kế toán có nhiệm vụ:

Tham mưu cho Giám đốc thực hiện quyền quản lý, sử dụng tài sản, vốn, đất đai và các tài nguyên khác, giúp Giám đốc quản lý, điều tiết và phát triển vốn trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Tiến hành phân tích tình hình tài chính của Công ty nhằm hoạch định chiến lược tài chính của Công ty, lựa chọn phương pháp tối ưu nhất về mặt tài chính.

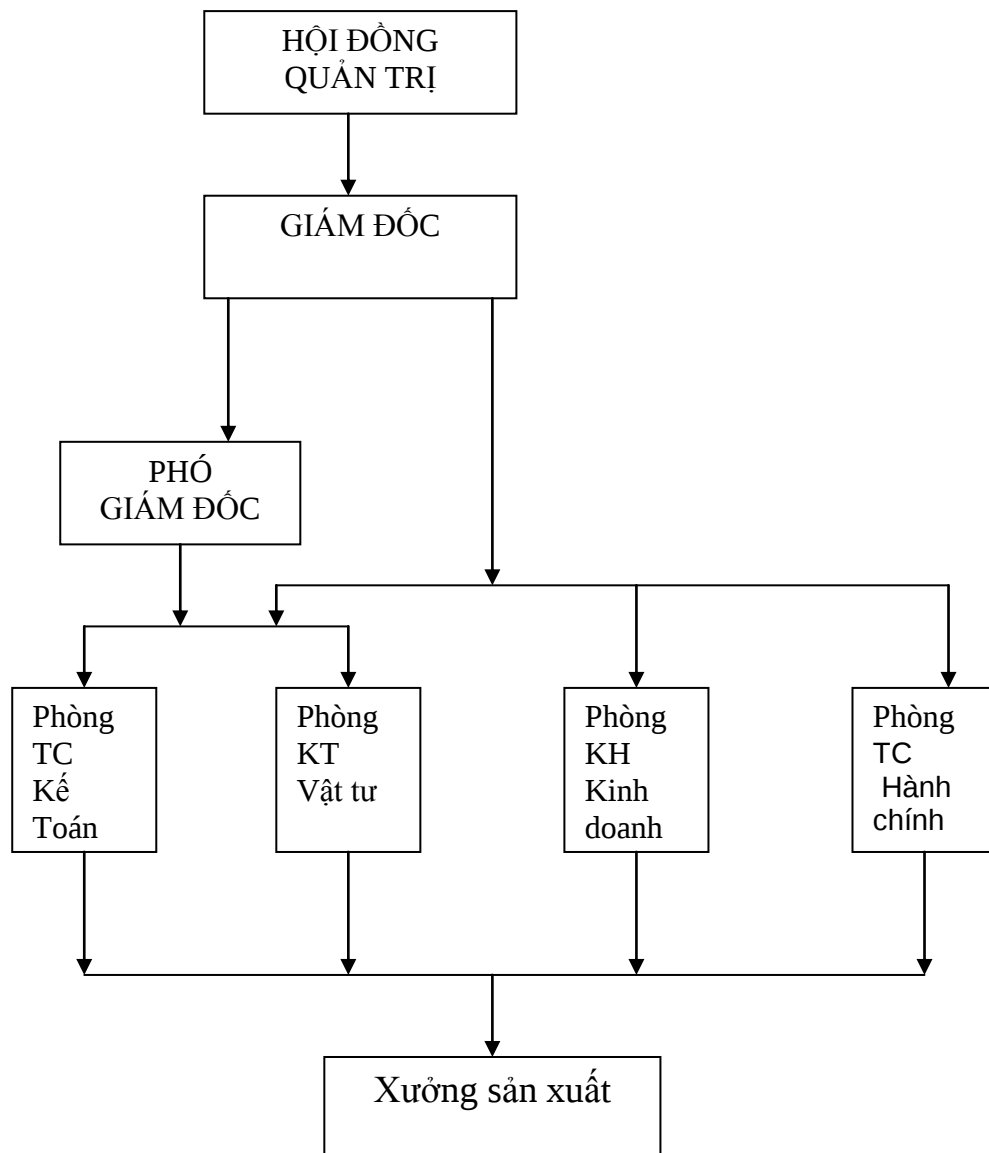
Tổ chức thực hiện công tác kế toán theo đúng chế độ và chuẩn mực kế toán toán hiện hành. Ghi chép, phản ánh, tính toán số liệu tình hình luân chuyển vật tư, tài sản, tiền, vốn quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, thu chi tài chính, thanh toán tiền vốn, các chế độ tài chính nhà nước ban hành.

Định kỳ tiến hành thành lập các báo cáo theo quy định của chế độ hiện hành. Kết hợp với các phòng ban chức năng khác để nắm vững tiến độ sản xuất, tiến hành theo dõi khấu hao máy móc, thanh toán quyết toán với khách hàng.

+Xưởng sản xuất: thực hiện các kế hoạch sản xuất, sản xuất ra các sản phẩm đạt chất lượng cao để bán ra thị trường.

**Sơ đồ 2.1:** Bộ máy quản lý của công ty



**2.1.3: Tổ chức sản xuất kinh doanh**

**Tổ chức sản xuất**

- Loại hình sản xuất của doanh nghiệp là sản xuất đơn chiếc.
- Chu kỳ sản xuất của doanh nghiệp: Công ty có đơn đặt hàng thì phòng kế hoạch kinh doanh lập kế hoạch sản xuất trình ban giám đốc duyệt sau đó lên kế hoạch cho từng loại sản phẩm cần những loại nhựa nào thì phù hợp, sau đó lên kế hoạch cho các máy chạy sản phẩm gì, sau đó phòng vật tư căn cứ vào kế hoạch mới tiến hành mua các nguyên vật liệu cần thiết để phục vụ sản xuất sản phẩm. Sau khi có đầy đủ nguyên vật liệu cần thiết, Xưởng sản xuất tiến hành lắp

khuôn lên các máy, sau đó đổ nhựa vào bồn sấy chờ cho đủ nhiệt tiến hành chạy máy ra sản phẩm. Công nhân đứng máy tiến hành lấy sản phẩm ra vệ sinh rồi đóng gói vào thùng, tiến hành nhập kho hàng hoá. Phòng kinh doanh có nhiệm vụ bán hàng và thu tiền về nộp lại cho Kế toán quỹ.

*Kết cấu sản xuất của doanh nghiệp.*

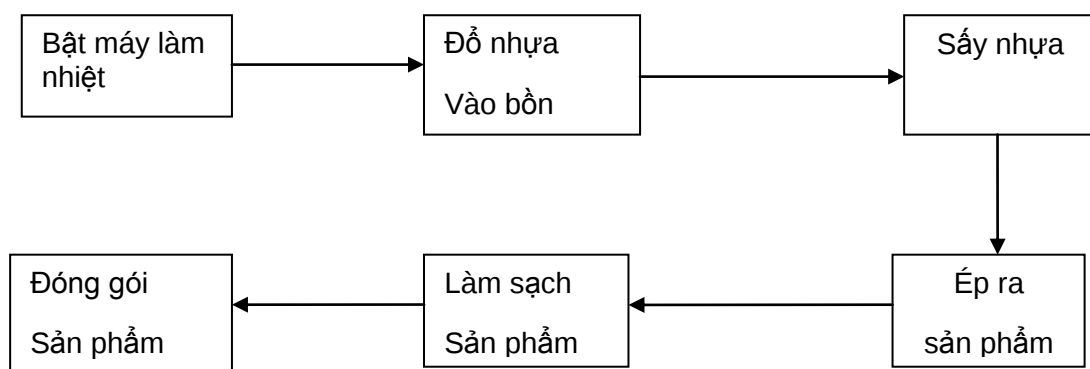
Bộ phận sản xuất chính: Xưởng sản xuất tạo ra sản phẩm

Bộ phận sản xuất phụ trợ: tô Khuôn, tổ kỹ thuật chuyên phục vụ sửa chữa máy ép nhựa, sửa chữa các bộ khuôn.

Bộ phận cung cấp: là Phòng Vật tư kho vật tư chuyên cung cấp nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ, các công cụ dụng cụ cần thiết để sản xuất Bộ phận vận chuyển: Tổ hàng hoá là tổ chuyên bốc xếp hàng hoá lên xe để vận chuyển đến nơi giao hàng cho khách.

Cơ cấu sản xuất của Công ty được sắp xếp phù hợp chặt chẽ nên tạo điều kiện cho các bộ phận phối hợp với nhau nhịp nhàng ăn khớp, tăng năng suất sản phẩm, sản phẩm đạt chất lượng cao, hoàn thành nhanh kế hoạch, đủ tiến độ giao hàng cho khách.

**Sơ đồ:2.2:** Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm



Để thực hiện được quy trình công nghệ sản xuất công ty đã đầu tư một dây chuyền sản xuất hiện đại gồm:

- 10 máy ép nhựa (từ 650-150 tấn)
- 10 máy làm lạnh
- 5 bộ khuôn các loại
- 2 máy nghiền
- 3 máy trộn nhựa

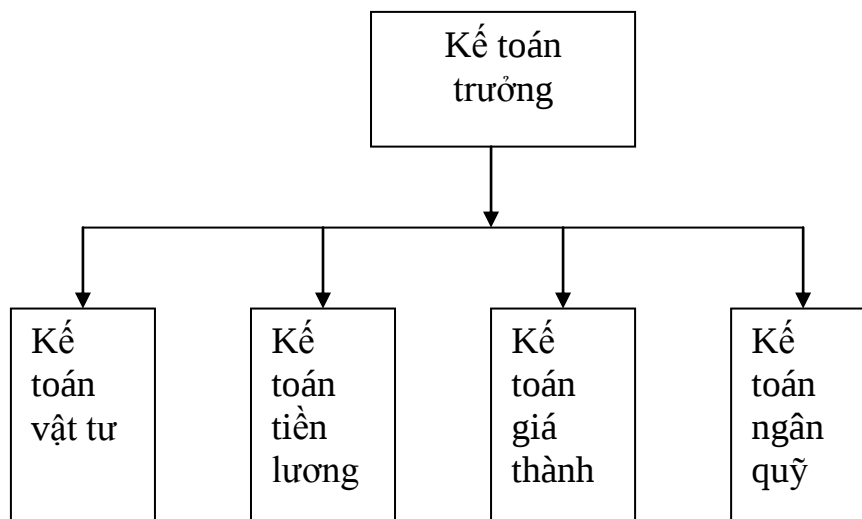
## **2.1.4: Tổ chức công tác kế toán**

### **2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán**

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Toàn bộ công việc xử lý thông tin trong toàn doanh nghiệp được thực hiện tập trung ở phòng kế toán, còn các bộ phận và đơn vị trực thuộc chỉ thực hiện việc thu thập, phân loại và chuyển chứng từ cùng các báo cáo nghiệp vụ về phòng kế toán để xử lý và tổng hợp thông tin.

Bộ máy kế toán của công ty có nhiệm vụ cập nhập theo dõi, kiểm tra hạch toán toàn bộ những nghiệp vụ pháp sinh trong công ty bằng các nghiệp vụ kế toán tài chính, cung cấp thông tin kinh tế cho lãnh đạo công ty. Giúp cho lãnh đạo công ty có cơ sở phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó có quyết định đúng đắn trong hoạt động của công ty nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

**Sơ đồ 2.3:** Tổ chức bộ máy kế toán



Kế toán trưởng: Tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác tài chính, thống kê thông tin kinh tế của công ty. Kế toán trưởng là người trợ giúp cho Giám đốc trong

kinh doanh, chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật về mọi mặt của công tác kế toán ở công ty. Đồng thời phụ trách các phân hành kế toán còn lại.

Thủ quỹ: Có trách nhiệm thu tiền, chi tiền cho toàn bộ hoạt động của công ty, ghi sổ quỹ hàng ngày những nghiệp vụ phát sinh và chuyển chứng từ thu chi cho kế toán ngân quỹ.

Kế toán vật tư: Từ phiếu nhập kho, xuất kho vật tư, biên bản kiểm nghiệm vật tư,... kế toán vật tư mở sổ sách ghi chép chi tiết tương ứng, lập bảng tổng hợp nhập - xuất – tồn từng loại vật tư về số lượng và giá trị.

Kế toán giá thành: Tập hợp và phân loại chi phí, xác định đối tượng hạch toán chi phí, lập phiếu tính giá thành, đánh giá sản phẩm dở dang,... để từ đó đưa ra quyết định về giá bán của sản phẩm sao cho hợp lý và đảm bảo có lãi.

#### **2.1.4.2: Vận dụng chế độ kế toán tại Công ty Cổ phần Hoàng Tân**

Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006.

*Niên độ kế toán:* Bắt đầu ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán: công ty vận dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính.

*Hình thức kế toán:* Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

*Phương pháp tính trị giá thành phẩm, hàng hóa xuất kho:* Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

*Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng xuất dùng trong kì:* Phương pháp thực tế đích danh.

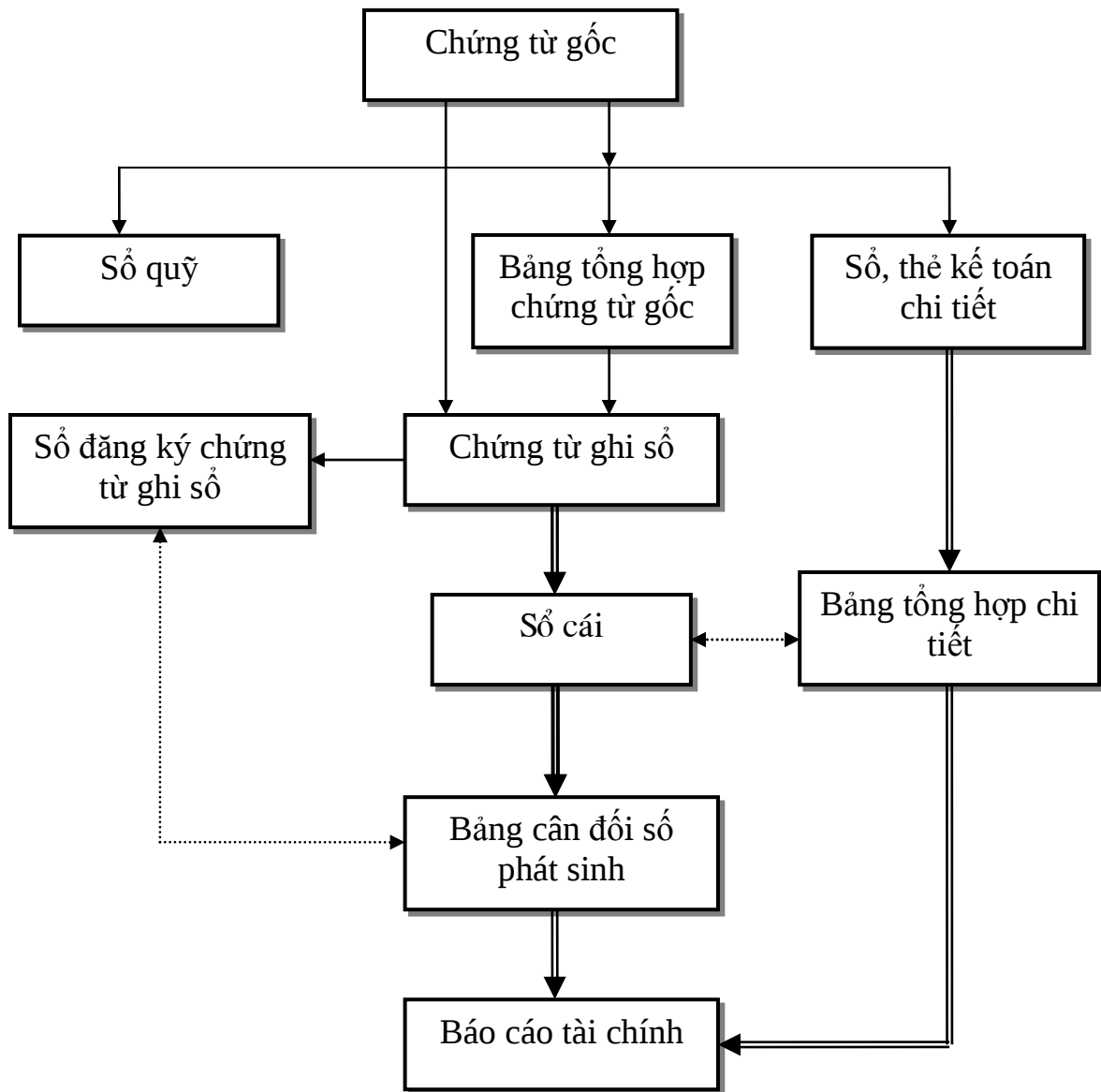
*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên.

Sổ sách kế toán sử dụng: Công ty sử dụng các loại sổ sách kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ bao gồm:

- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái các tài khoản

- + Sổ, thẻ kế toán chi tiết
- + Bảng tổng hợp chi tiết

**Sơ đồ 2.4 :** Trình tự ghi sổ theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

—————→ : Ghi hàng ngày

—————→ : Ghi cuối tháng

←-----→ : Đối chiếu, kiểm tra

## 2.2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN

### 2.2.1: Phân loại và đánh giá về nguồn NVL

#### ***Phân loại***

• Nguyên vật liệu chính: là những loại nguyên vật liệu mà khi tham gia vào quá trình sản xuất sẽ cấu thành lên thực thể của sản phẩm. Bao gồm các loại hạt nhựa, ví dụ như :

Hạt nhựa ABS nguyên sinh gồm: Hạt nhựa ABS GP 22, Hạt nhựa ABS CHIME...

Hạt nhựa SAN, hạt nhựa PMMA , hạt nhựa PP TS trắng, hạt nhựa ABS tái sinh, hạt nhựa HI.

• Vật liệu phụ: Là những thứ vật liệu mà khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể của sản phẩm nhưng chúng lại kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi sản phẩm tăng chất lượng sản phẩm. Bao gồm các loại bột màu như:

Bột màu ghi, Bột màu đỏ, Bột màu trắng, bột màu xám đen, Bột màu xanh, dầu pha màu...

• Nhiên liệu: Có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất, giúp quá trình sản xuất diễn ra bình thường. Bao gồm các loại dầu máy như:

Dầu thủy lực , Dầu Gadoan

• Phụ tùng thay thế : Là những vật dụng dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị. Bao gồm:

Vòng nhiệt các loại, Dầu chống dính, Dầu bảo dưỡng, Đầu phun, Zoăng các loại, Rơ le trung gian, Rơ le thời gian, Khởi động từ, ...

• Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Kìm , búa tạ, dao cắt...

• Phế liệu thu hồi : là phần vật chất không phải là thành phẩm

**BẢNG PHÂN LOẠI NGUYÊN VẬT LIỆU**

( Theo số liệu trên sổ kế toán ngày 28/12/2011)

| Phân loại             | Tên vật liệu          | Số lượng tồn | Đơn giá | Thành tiền |
|-----------------------|-----------------------|--------------|---------|------------|
| Nguyên vật liệu chính | Hạt nhựa ABS GP22     | 500 Kg       | 31.818  | 15.909.000 |
|                       | Hạt nhựa PP           | 2500 Kg      | 18.500  | 46.250.000 |
|                       | Hạt nhựa SAN          | 1000 Kg      | 32.000  | 32.000.000 |
|                       | Hạt nhựa ABS TS trắng | 600 Kg       | 18.000  | 17.727.000 |
|                       | .....                 |              |         |            |
| Vật liệu phụ          | Bột màu ghi           | 78 Kg        | 163.673 | 12.766.494 |
|                       | Bột màu đỏ            | 2.1 Kg       | 300.000 | 630.000    |
|                       | Bột màu đen           | 26 Kg        | 225.000 | 5.850.000  |
|                       | .....                 |              |         |            |
| Nhiên liệu            | Dầu thủy lực          | 120 L        | 32.764  | 3.931.680  |
|                       | Dầu diezen            | 587 L        | 17.445  | 10.240.215 |
|                       | .....                 |              |         |            |
| Phụ tùng thay thế     | Vòng nhiệt 150 x 90   | 18 cái       | 286.000 | 5.148.000  |
|                       | Dầu chống dính        | 187 L        | 300.000 | 5.610.000  |
|                       | .....                 |              |         |            |
| Phế liệu thu hồi      |                       |              |         |            |

**Biểu số 2.1** : Bảng phân loại nguyên vật liệu

## ***Đánh giá về nguồn cung ứng vật liệu***

Nguyên vật liệu của công ty được nhập từ hai nguồn, một số nguyên vật liệu là nhập khẩu, một số khác mua tại thị trường trong nước. Đối với nguồn nhập khẩu việc chủ động nguồn nguyên liệu cho công ty còn hạn chế. Giá cả thì tăng, giảm theo thị trường nước ngoài nên ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và giá thành sản phẩm.

**Biểu số 2.2:** Bảng đơn giá một số loại nguyên vật liệu

| STT | Tên NVL           | ĐVT | 2010   | 2011   | Chênh lệch |
|-----|-------------------|-----|--------|--------|------------|
| 1   | Hạt Nhựa ABS GP22 | kg  | 24.645 | 31.818 | 7.173      |
| 2   | Hạt nhựa PMMA     | kg  | 30.000 | 40.000 | 10.000     |
| 3   | Hạt nhựa màu đen  | kg  | 32.000 | 36.360 | 4.360      |
| 4   | Hạt nhựa HI       | kg  | 18.000 | 19.000 | 1.000      |
| ... | ...               |     |        |        |            |

Qua bảng trên ta thấy được giá mua một số nguyên vật liệu không ổn định, nên doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tính giá thành sản phẩm, nếu giá thành sản phẩm tăng theo nguyên vật liệu đầu vào thì sẽ gây khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy doanh nghiệp cần phải giảm chi phí nguyên vật liệu một cách triệt để thì mới có lãi được.

Nhiên liệu gồm: Dầu thủy lực và dầu Gadoan dùng để chạy máy ép nhựa thường nhập của các đại lý xăng dầu trong nước nên giá cả ít biến động.

### **2.2.2: Tính giá NVL**

#### **2.2.2.1: Tính giá NVL nhập kho**

Do đặc điểm tình hình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mà nguyên vật liệu nhập kho được đánh giá theo giá thực tế:

*\* Giá thực tế của vật liệu nhập kho được tính theo công thức:*

|                                      |  |                                                                         |                                         |                                                        |
|--------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Giá gốc NVL<br>mua ngoài<br>nhập kho |  | Giá mua trên hóa đơn<br>sau khi trừ các khoản<br>= chiết khấu, giảm giá | Các loại thuế<br>không được<br>hoàn lại | Chi phí có liên<br>quan trực tiếp đến<br>việc mua hàng |
|--------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------|

*Nghiệp vụ phát sinh :*

Ngày 29/ 03 Nguyễn Văn Ninh mua của công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thanh Sơn 2000 Kg hạt nhựa HI, giá mua 19.000 đ/kg. Kèm theo HĐ GTGT 0006901( trang sau). Hàng được giao tại kho của công ty chi phí vận chuyển bốc dỡ là 500 đ/kg.

Cụ thể :

Khi lô hạt nhựa HI công ty mua của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thanh Sơn được chuyển tới kho của công ty kèm theo hóa đơn GTGT số 0006901( **biểu số 2.3**) công ty tiến hành kiểm nghiệm chất lượng, số lượng, quy cách của lô hạt nhựa. Kiểm nghiệm thấy đủ, đúng cả về chất lượng, số lượng thủ kho tiến hành nhập kho nguyên vật liệu. Thủ kho ghi số lượng vào phiếu nhập kho nguyên vật liệu, vào thẻ kho cho hạt nhựa HI. Kế toán tính giá nguyên vật liệu, giá lô hạt nhựa HI là tổng của giá ghi trên hóa đơn và giá vận chuyển và ghi giá trị vào Phiếu nhập kho (**biểu số 2.4**).

Vậy giá thực tế của lô vật liệu nhập kho là:

Trị giá NVL nhập kho = 19.000 \* 2000 + 500 \* 2000 = 39.000.000 đ

Đơn giá nhập kho = 39.000.0000 : 2000 = 19.500 đ/kg

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số : 01 GTKT- 3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG****TR/2011B**

( Liên 2 : Giao khách hàng )

**0006901***Ngày 29 tháng 03 năm 2011*

| Đơn vị bán : Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thanh Sơn               |                       |                                        |                 |                                           |            |
|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------|------------|
| Địa chỉ : 97 C Bạch Đằng – Hạ lý – Hồng Bàng – Hải Phòng            |                       |                                        |                 |                                           |            |
| Số tài khoản :                                                      |                       |                                        |                 |                                           |            |
| Điện thoại :                                                        |                       | MST : 0200656416                       |                 |                                           |            |
| Họ tên người mua : Nguyễn Văn Ninh                                  |                       |                                        |                 |                                           |            |
| Tên đơn vị : Công ty Cổ Phần Hoàng Tân                              |                       |                                        |                 |                                           |            |
| Địa chỉ : 49 Nguyễn Bình – Ngô Quyền – Hải Phòng                    |                       |                                        |                 |                                           |            |
| Số tài khoản :                                                      |                       |                                        |                 |                                           |            |
| Hình thức thanh toán : Chưa thanh toán                              |                       |                                        | MST : 020074189 |                                           |            |
| STT                                                                 | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT                                    | Số lượng        | Đơn giá                                   | Thành tiền |
| A                                                                   | B                     | C                                      | 1               | 2                                         | 3=1*2      |
|                                                                     | Nhựa HI               | Kg                                     | 2000            | 19.000                                    | 38.000.000 |
| Cộng tiền hàng :                                                    |                       |                                        |                 |                                           | 38.000.000 |
| Tiền thuế GTGT :                                                    |                       |                                        |                 |                                           | 3.800.000  |
| Tổng cộng tiền thanh toán :                                         |                       |                                        |                 |                                           | 41.800.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : Bốn mươi một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn |                       |                                        |                 |                                           |            |
| Người mua hàng<br>( ký ghi rõ họ tên )                              |                       | Người bán hàng<br>( ký ghi rõ họ tên ) |                 | Thủ trưởng đơn vị<br>( ký ghi rõ họ tên ) |            |

**Biểu số 2.3 : Hóa đơn GTGT số 0006901**

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

Mẫu số 01 – VT

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006 / QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số 14/03

Ngày 29 tháng 03 năm 2011

Người giao: Nguyễn Văn La  
theo HĐ 000691 ngày 29/03/2011

Định khoản

| Nợ   | Có  |
|------|-----|
| 1521 | 331 |
| 1331 |     |

Nhập tại kho: Cty Cổ phần Hoàng Tân

| Tên hàng    | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-------------|-----|----------|---------|------------|---------|
| Hạt nhựa HI | Kg  | 2000     | 19.500  | 39.000.000 |         |
|             |     |          |         |            |         |
|             |     |          |         |            |         |
|             |     |          |         |            |         |
|             |     |          |         |            |         |
| Cộng        |     |          |         | 39.000.000 |         |

(Thành tiền: Ba mươi chín triệu đồng chẵn)

Nhập ngày 29 tháng 03 năm 2011

Giám đốc  
(*Đã ký, họ tên,*)

Phụ trách cung tiêu  
(*Đã ký, họ tên*)

Người giao hàng  
(*Đã ký, họ tên*)

Thủ kho  
(*Đã ký, họ tên*)

**Biểu số 2.4:** Phiếu nhập kho số 14/03

**2.2.2.2: Tính giá NVL xuất kho**

\* *Giá thực tế vật liệu xuất kho được tính theo giá **thực tế đích danh**: tính theo giá nhập của lô hàng đó.*

VD : Ngày 29/2 tồn kho 600 Kg nhựa ABS tái sinh trắng, đơn giá của lô hàng là : 29.545 đ/kg. Ngày 2/3 xuất 300 Kg hạt nhựa ABS tái sinh trắng gửi Công ty TNHH và TM Trường Hình bán với giá 34.000đ/kg.

⇒ Giá NVL xuất kho = 300 x 29.545 = 8.863.500

Kế toán ghi trị giá xuất kho vào Phiếu xuất kho

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

Mẫu số 01 – VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 / QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số 01/03

Ngày 02 tháng 03 năm 2011

Tên người nhận : Trần Văn An

Định khoản

Bộ phận công tác : Bộ phận bán hàng

Lý do xuất : xuất bán

Xuất tại kho : Công ty Cổ phần Hoàng Tân

| Nợ  | Có  |
|-----|-----|
| 632 | 152 |

| STT | Tên hàng              | ĐVT | SL  | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----|-----|---------|------------|---------|
|     | Hạt nhựa ABS TS trắng | Kg  | 300 | 29.545  | 8.863.500  |         |
|     |                       |     |     |         |            |         |
|     |                       |     |     |         |            |         |
|     | Cộng                  |     |     |         | 8.863.500  |         |

Thành tiền :( Tám triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng)

Kế toán trưởng      Thủ kho      Người nhận      Phụ trách CT      Giám đốc  
( Ký, họ tên)      ( Ký, họ tên)      ( Ký, họ tên)      ( ký , họ tên )      ( ký, họ tên)

**Biểu số 2.5:** Phiếu xuất kho số 01/03

### **2.2.3: Tổ chức công tác kế toán NVL tại công ty CP Hoàng Tân**

#### **2.2.3.1: Công tác tổ chức hạch toán ban đầu**

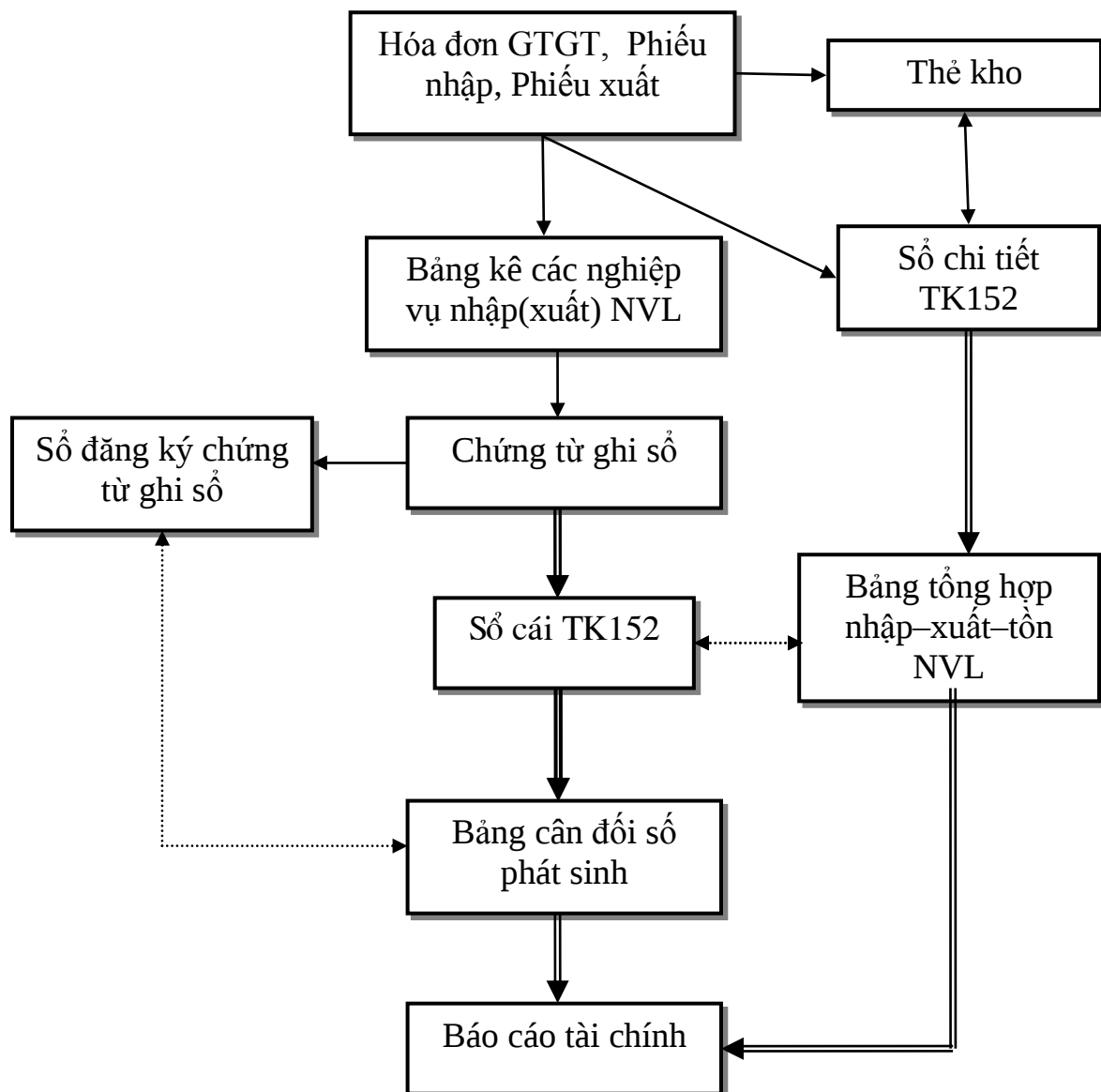
Một trong những yêu cầu quản lý vật liệu đòi hỏi phản ánh, theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu cả về giá trị, số lượng và chất lượng. Để thực hiện toàn bộ công tác kế toán vật liệu nói chung và kế toán chi tiết vật liệu nói riêng thì phải dựa trên chứng từ kế toán theo quy định của bộ tài chính phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến nhập, xuất nguyên vật liệu như:

- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- + Phiếu nhập kho
- + Phiếu xuất kho

.....

Để hạch toán nguyên vật liệu kế toán sử dụng tài khoản 152- “Nguyên vật liệu” ngoài ra còn các tài khoản liên quan khác như: TK 331, TK 111, TK 112, TK141, TK 133, TK 331, TK 621...

**Sơ đồ 2.5:** Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Hoàng Tân



**Ghi chú:**

————→ : Ghi hàng ngày

=====→ : Ghi cuối tháng

◄-----► : Đối chiếu, so sánh

**2.2.3.2: Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu**

Hóa đơn GTGT cùng nguyên vật liệu công ty đã mua được chuyển tới kho. Trước khi nhập kho Phòng kế toán cùng với phòng vật tư tiến hành kiểm tra chất

lượng của nguyên vật liệu kết quả của việc kiểm tra sẽ được ghi vào Biên bản kiểm tra chất lượng hàng hoá. Nếu vật liệu đáp ứng được yêu cầu như trong hợp đồng thì căn cứ vào hóa đơn và biên bản kiểm nghiệm thì phòng vật tư tiến hành lập Phiếu nhập kho.

Phiếu nhập kho được lập thành 03 liên:

Liên 1: lưu tại Phòng vật tư

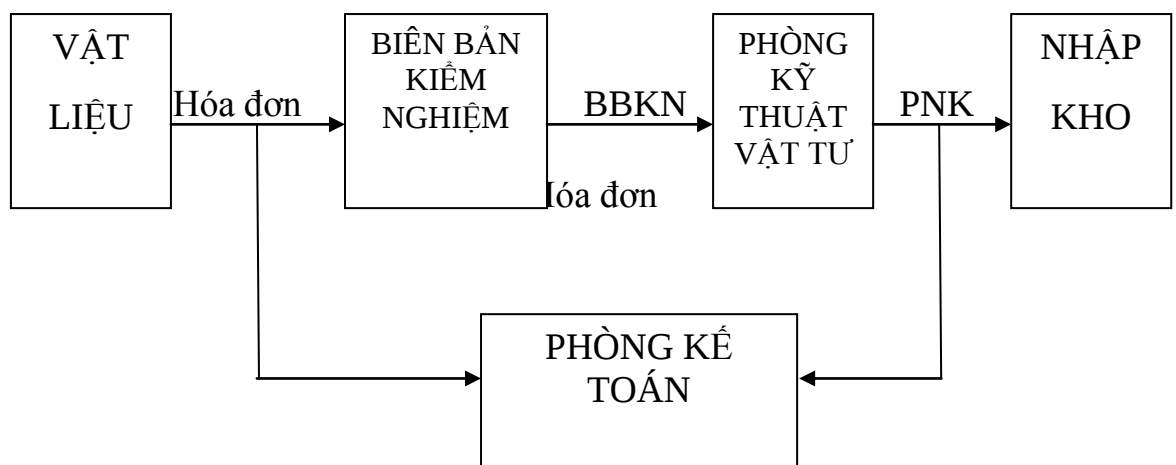
Liên 2: kèm với hoá đơn chuyển lên phòng kế toán

Liên 3: giao cho Thủ kho giữ

Thủ kho cùng người giao hàng ký vào Phiếu nhập kho sau khi đã kiểm tra về mặt chất lượng cũng như số lượng, quy cách, chủng loại... thì tiến hành ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán vật tư để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu theo từng loại nguyên vật liệu..

Quy trình nhập kho NVL mua ngoài được thể hiện qua sơ đồ:

**Sơ đồ 2.6:** Quá trình nhập kho nguyên vật liệu



Đối với sản phẩm hỏng, NVL xuất dùng không hết được nhập lại kho để tái sản xuất. Thủ tục nhập kho chỉ khác là không tiến hành kiểm nghiệm vật tư như đối với vật liệu mua ngoài. Thủ kho vẫn viết phiếu nhập kho như thường.

Bắt đầu từ chứng từ gốc sau đây kế toán vật liệu sẽ tiến hành công việc

➤ **Đối với nguyên vật liệu mua ngoài**

*Ngày 08/03/2011 Trần Văn Hiến nhập 2000 kg hạt nhựa ABS GP22 với giá 31.818 đ/kg. Chứng từ đi kèm HĐ GTGT 0000818.*

Sau khi lô nguyên vật liệu gồm 2000 kg hạt nhựa ABS GP22 công ty đã mua của công ty Cổ phần và Kinh doanh Tổng Hợp được chuyển đến kho của công ty( không phải trả chi phí vận chuyển) cùng với hóa đơn GTGT số 0000818 ( **Biểu số 2.6**)

Công ty tiến hành lập ban kiểm tra kiểm nghiệm vật tư gồm ba người có chuyên môn cân xem lô hạt nhựa ABS GP22 có đủ 2000kg không, kiểm tra chất lượng sản phẩm xem có đúng quy cách đã quy định trong hợp đồng không.

Kết quả kiểm nghiệm được ghi ban kiểm nghiệm vật tư ghi vào Biên bản kiểm nghiệm vật tư ( **Biểu số 2.7**).

HÓA ĐƠN

Mẫu số : 01 GTKT- 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

KU/2011B

( Liên 2 : Giao khách hàng )

0000818

*Ngày 08 tháng 03 năm 2011*

| Đơn vị bán : Công ty Cổ Phần và Kinh doanh Tổng Hợp<br>Địa chỉ : 135 Trần Hưng Đạo – P. Đông Hải – Q. Hải An – Hải Phòng<br>Số tài khoản : 4801.0000.221554 – Ngân hàng BIDV – Hải Phòng<br>Điện thoại : <span style="float: right;">MST : 0200797872</span>                       |                       |                                        |          |                                           |            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------|----------|-------------------------------------------|------------|
| Họ tên người mua : Trần Văn Hiến<br>Tên đơn vị : Công ty Cổ Phần Hoàng Tân<br>Địa chỉ : 49 Nguyễn Bình – Ngô Quyền – Hải Phòng<br>Số tài khoản : 0020.2144.001 - Ngân hàng TMCP Đông Á - Hải Phòng<br>Hình thức thanh toán : CK <span style="float: right;">MST : 020074189</span> |                       |                                        |          |                                           |            |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT                                    | Số lượng | Đơn giá                                   | Thành tiền |
| A                                                                                                                                                                                                                                                                                  | B                     | C                                      | 1        | 2                                         | 3=1*2      |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hạt nhựa ABS GP22     | Kg                                     | 2000     | 31.818                                    | 63.636.000 |
| Cộng tiền hàng :                                                                                                                                                                                                                                                                   |                       |                                        |          |                                           | 63.636.000 |
| Tiền thuế GTGT :                                                                                                                                                                                                                                                                   |                       |                                        |          |                                           | 6.363.6000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán :                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |                                        |          |                                           | 69.999.600 |
| Số tiền bằng chữ : Sáu mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng chẵn.                                                                                                                                                                                          |                       |                                        |          |                                           |            |
| Người mua hàng<br>( ký ghi rõ họ tên )                                                                                                                                                                                                                                             |                       | Người bán hàng<br>( ký ghi rõ họ tên ) |          | Thủ trưởng đơn vị<br>( ký ghi rõ họ tên ) |            |

**Biểu số 2.6:** Hóa đơn GTGT số 0000818

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ**

Vào hồi ngày 08 tháng 03 năm 2011 tại Công ty Cổ phần Hoàng Tân

Chúng tôi gồm :

Ông ( Bà ): Nguyễn Thị Hạnh

Trưởng ban

Ông ( Bà ): Phạm Đức Chính

Đại diện Phòng VT

Ông ( Bà ): Nguyễn Thị Hiền

Thủ kho

Cùng nhau tiến hành kiểm nghiệm

| STT | Tên hàng          | Phương thức<br>KN | ĐVT | Số lượng<br>Hàng hoá |
|-----|-------------------|-------------------|-----|----------------------|
| 1   | Hạt nhựa ABS GP22 | Trực tiếp         | kg  | 2000                 |
|     |                   |                   |     |                      |
|     |                   |                   |     |                      |
|     |                   |                   |     |                      |
|     |                   |                   |     |                      |

Ý kiến của ban kiểm nghiệm

Đầy đủ về số lượng, đúng chủng loại, chất lượng đạt yêu cầu, được phép nhập

**Đại diện phòng vật tư****Trưởng ban kiểm soát****Thủ kho**

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

**Biểu số 2.7:** Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Sau khi nguyên vật liệu được kiểm định, phòng vật tư sẽ tiến hành viết phiếu nhập kho

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

Mẫu số 01 – VT

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006 / QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## **PHIẾU NHẬP KHO**

Số 06/03

Ngày 08 tháng 03 năm 2011

Người giao: Hoàng Thị Anh  
theo HĐ 0030818 Ngày 08/03/2011

Định khoản

| Nợ   | Có  |
|------|-----|
| 1521 | 112 |
| 1331 |     |

Nhập tại kho: Cty Cổ phần Hoàng Tân

| Tên hàng          | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-------------------|-----|----------|---------|------------|---------|
| Hạt nhựa ABS GP22 | Kg  | 2000     | 31.818  | 63.636.000 |         |
|                   |     |          |         |            |         |
|                   |     |          |         |            |         |
|                   |     |          |         |            |         |
|                   |     |          |         |            |         |
| Cộng              |     |          |         | 63.636.000 |         |

Thành tiền: ( Sáu mươi ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Nhập ngày 08 tháng 03 năm 2011

Giám đốc

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

*(Đã ký, họ tên,)*

*(Đã ký, họ tên)*

*(Đã ký, họ tên)*

*(Đã ký, họ tên)*

**Biểu số 2.8:** Phiếu nhập kho số 06/03

➤ **Đối với NVL xuất dùng không sử dụng hết.**

Đối với NVL xuất dùng không sử dụng hết, phòng vật tư tiến hành kiểm kê số lượng và thu hồi nhập kho.

*Ngày 31/03/2011: Nhập lại kho 24kg nhựa ABS GP22 xuất sản xuất thừa.  
(Phiếu xuất kho ngày 15/03: Xuất hạt nhựa ABS GP22 để sản xuất SP)*

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Mẫu số 01 – VT**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006 / QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số 15/03

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Lý do nhập:

Định khoản

Thu hồi hạt nhựa ABS GP22 sản xuất thừa

| Nợ  | Có  |
|-----|-----|
| 152 | 621 |

Nhập tại kho: Cty Cổ phần Hoàng Tân

| Tên hàng          | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-------------------|-----|----------|---------|------------|---------|
| Hạt nhựa ABS GP22 | Kg  | 24       | 31.818  | 763.632    |         |
|                   |     |          |         |            |         |
|                   |     |          |         |            |         |
|                   |     |          |         |            |         |
| Cộng              |     |          |         | 763.632    |         |

Thành tiền:( Bảy trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng)

Nhập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Giám đốc

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

*(Đã ký, họ tên)*

*(Đã ký, họ tên)*

*(Đã ký, họ tên)*

*(Đã ký, họ tên)*

**Biểu số 2.9:** Phiếu nhập kho số 15/03

### **2.2.3.3: Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu**

Công ty hoạt động trong cả hai lĩnh vực : kinh doanh thương mại và sản xuất, xuất kho nên nguyên vật liệu tại công ty sử dụng cho hai mục đích:

- Một là để xuất kho nguyên vật liệu để bán
- Hai là xuất cho sản xuất sản phẩm.

Với xuất cho sản xuất: các bộ phận sử dụng nguyên vật liệu căn cứ vào kế hoạch sản xuất và thông kê của xưởng sản xuất đề nghị lãnh vật tư, trình lên trưởng phòng vật tư, trưởng phòng vật tư căn cứ vào kế hoạch sản xuất rồi cho viết Phiếu xuất vật tư.

Phiếu xuất kho được lập thành 03 liên

Liên 1: ( chứng từ gốc) lưu phòng vật tư

Liên 2: Giao cho xưởng sản xuất

Liên 3: Giao cho thủ kho làm căn cứ ghi thẻ kho sau đó tập hợp chứng từ gửi lên kế toán vật tư để hạch toán

#### **Xuất kho NVL để bán**

*Ngày 7 tháng 03 năm 2011, xuất 268 kg hạt nhựa SAN bán cho công ty TNHH và TM Trường Hình với giá thực tế xuất kho 32.000đ/kg. Giá bán 35.000 đ/kg. Công ty Trường Hình trả bằng tiền mặt.*

Khi nhận được đơn đặt hàng của công ty TNHH và TM Trường Hình phòng kế hoạch và kinh doanh viết giấy đề nghị xuất kho nguyên vật liệu để bán.

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN*****GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT KHO***

Tên tôi là : Nguyễn Thành Chung

Bộ phận Công tác : Phòng KHKD

Đề nghị công ty xuất một số nguyên vật liệu sau

| STT | Loại vật tư  | ĐVT | Số lượng | Duyệt cấp |
|-----|--------------|-----|----------|-----------|
| 1   | Hạt nhựa SAN | kg  | 268      | 268       |
|     |              |     |          |           |
|     |              |     |          |           |
|     |              |     |          |           |

Mục đích sử dụng : Xuất bán cho Cty TNHH và TM Trường Hình

Kế toán

( Ký, họ tên)

Phụ trách cung tiêu

( Ký, họ tên)

Người đề nghị

( Ký, họ tên )

**Biểu số 2.10 : Giấy đề nghị xuất vật tư**

Sau khi giấy đề nghị xuất kho nguyên vật liệu được duyệt thì thủ kho xuất kho nguyên vật liệu, ghi số lượng cho từng loại nguyên vật liệu xuất kho, trong đó ghi rõ ngày xuất. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên. Liên 1 được lưu ở phòng vật tư, Liên 2 giao cho thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho, sau đó chuyển cho kế toán ghi đơn giá, định khoản đồng thời tính giá trị nguyên vật liệu xuất kho căn cứ ghi sổ kế toán, liên 3 giao cho đơn vị nhận nguyên vật liệu.

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Mẫu số 01 – VT**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006 / QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số 05/03

Ngày 07 tháng 03 năm 2011

Tên đơn vị nhận: Cty TNHH và TM Trường Hình

Định khoản

Lý do xuất: Xuất bán

Nhập tại kho: Cty Cổ phần Hoàng Tân

| Nợ  | Có   |
|-----|------|
| 632 | 1521 |

| Tên hàng     | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|--------------|-----|----------|---------|------------|---------|
| Hạt nhựa SAN | Kg  | 268      | 32.000  | 8.576.000  |         |
|              |     |          |         |            |         |
|              |     |          |         |            |         |
|              |     |          |         |            |         |
|              |     |          |         |            |         |
| Cộng         |     |          |         | 8.576.000  |         |

Thành tiền: (Tám triệu lăm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Ngày 07 tháng 03 năm 2011

|                |              |              |              |              |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Giám đốc       | Thủ kho      | Người nhận   | Phụ trách CT | Kế toán      |
| (ký, đóng dấu) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | trưởng       |
|                | tên)         |              |              | (ký, họ tên) |

**Biểu số 2.11:** Phiếu xuất kho số 05/03

➤ **Xuất kho NVL cho sản xuất**

Ngày 15 tháng 03 năm 2011 xưởng sản xuất thực hiện kế hoạch sản xuất 1000 tấm nhựa đầu xe trước C110, thống kê xưởng viết giấy đề nghị lĩnh vật tư.

**GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ**

Tên tôi là : Lê Thị Phương

Bộ phận Công tác : Xưởng sản xuất

Đề nghị công ty xuất một số vật tư sau

| STT | Loại vật tư       | ĐVT | Số lượng | Duyệt cấp |
|-----|-------------------|-----|----------|-----------|
| 1   | Hạt nhựa ABS GP22 | kg  | 1000     | 1000      |
| 2   | Bột màu đen       | kg  | 20       | 20        |
|     |                   |     |          |           |
|     |                   |     |          |           |
|     |                   |     |          |           |

Mục đích sử dụng : Sản xuất sản phẩm

Kế toán

( Ký, họ tên)

Phụ trách cung tiêu

( Ký, họ tên)

Người đề nghị

( Ký, họ tên )

**Biểu số 2.12** : Giấy đề nghị xuất vật tư

Sau đó Phòng vật tư viết phiếu xuất kho nguyên vật liệu. Thủ kho ghi số lượng xuất kho thực tế. Khi xong công việc của mình, thủ kho chuyển cho kế toán ghi giá trị hoàn tất Phiếu xuất kho.

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Mẫu số 02 – VT**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006 / QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số 09/03

Ngày 15 tháng 03 năm 2011

Tên người nhận : Lê Thị Phương

Định khoản

Bộ phận công tác : Xưởng sản xuất

Lý do xuất : xuất ra sản xuất

Xuất tại kho : Công ty Cổ phần Hoàng Tân

| Nợ  | Có   |
|-----|------|
| 621 | 1521 |

| STT | Tên hàng          | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----|----------|---------|------------|---------|
| 1   | Hạt nhựa ABS GP22 | kg  | 1000     | 31.818  | 31.818.000 |         |
| 2   | Bột màu đen       | Kg  | 20       | 225.000 | 4.500.000  |         |
|     |                   |     |          |         |            |         |
|     |                   |     |          |         |            |         |
|     |                   |     |          |         |            |         |
|     | Cộng              |     |          |         | 36.318.000 |         |

Thành tiền : (Ba mươi sáu triệu ba trăm mười tám nghìn đồng)

Kế toán trưởng      Thủ kho      Người nhận      Phụ trách CT      Giám đốc  
( Ký, họ tên)      ( Ký, họ tên)      ( Ký, họ tên)      ( ký , họ tên )      ( ký, họ tên)

**Biểu số 2.13 :** Phiếu xuất kho số 09/03

**2.2.4: Kế toán chi tiết NVL**

Kế toán chi tiết NVL ở công ty sử dụng phương pháp thẻ song song.

Theo phương pháp này để phản ánh tình hình biến động vật liệu ở kho phải mở thẻ kho để phản ánh tình hình biến động vật liệu ở kho phải mở thẻ kho ghi

chép về mặt số lượng, còn ở phòng kế toán phải mở thẻ kế toán để ghi chép về mặt số lượng và giá trị.

+ Ở kho:

Hàng ngày khi nhận được các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu thủ kho kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ. Tiến hành nhập, xuất nguyên vật liệu, ghi số lượng thực tế nhập xuất vật liệu vào chứng từ, phân loại chứng từ. Cuối ngày thủ kho căn cứ vào chứng từ ghi vào thẻ kho tính ra số tồn kho cuối ngày. Sau khi sử dụng xong chứng từ thủ kho sắp xếp chứng từ theo thứ tự thời gian, chứng từ nhập riêng, chứng từ xuất riêng rồi chuyển chứng từ cho phòng kế toán.

+ Ở phòng kế toán:

Hàng ngày: Kế toán căn cứ vào chứng từ do thủ kho chuyển đến tiến hành tính toán và ghi số tiền vào chứng từ, căn cứ vào chứng từ để ghi vào sổ chi tiết vật liệu cả lượng và tiền.

Cuối tháng : Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết với sổ kế toán tổng hợp. Sau đó kế toán lập Bảng tổng hợp nhập – Xuất – Tồn. So sánh số liệu giữa sổ kế toán chi tiết vật liệu với Thẻ kho của thủ kho. Nếu có sai sót lớn thì tiến hành so sánh với số liệu kiểm kê, tìm hướng giải quyết.

Ví dụ minh họa:

Từ các chứng từ gốc liên quan tới việc xuất kho, nhập kho Hạt nhựa ABS GP22 như:

- Phiếu nhập kho số 06/03 ngày 08/03
- Phiếu xuất kho số 09/03 ngày 15/03
- Phiếu nhập kho số 15/03 ngày 31/03)
- Phiếu xuất kho số 17/03 ngày 31/03( Xuất bán cho Thành Tân)

Tại kho: Thủ kho tiến hành vào thẻ kho tờ số 05 cho hạt nhựa ABS GP22

---

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Mẫu số S12 – DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**THẺ KHO**

Lập thẻ ngày: 01/03/2011

Tờ số : 04

Tên, nhãn hiệu hàng hoá: Hạt nhựa ABS GP22

Đơn vị tính: *kg*

| Ngày<br>tháng | Số CT           | Diễn giải                 | Số lượng     |             |              | Kết quả xác nhận |    |
|---------------|-----------------|---------------------------|--------------|-------------|--------------|------------------|----|
|               |                 |                           | Nhập         | Xuất        | Tồn          | Giá trị tồn      | Ký |
|               |                 | Tồn đầu tháng             |              |             | <u>500</u>   |                  |    |
| <b>08/3</b>   | <b>PNK06/03</b> | <b>TrầnHiển nhập</b>      | <b>2.000</b> |             | <b>2.500</b> |                  |    |
| <b>15/3</b>   | <b>PXK09/03</b> | <b>Xuất ra SX</b>         |              | <b>1000</b> | <b>1.500</b> |                  |    |
| <b>31/3</b>   | <b>PNK15/03</b> | <b>Thu hồi từ SX</b>      | <b>24</b>    |             | <b>1524</b>  |                  |    |
| 31/3          | PXK17/3         | Xuất bán cho<br>Thành Tân |              | 1000        | 524          |                  |    |
|               |                 |                           |              |             |              |                  |    |
|               |                 | Cộng PS                   | 2.024        | 2.000       | x            |                  |    |
|               |                 | Tồn cuối tháng            | x            | x           | <u>524</u>   |                  |    |

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

( ký tên, ghi họ tên)

( ký tên, ghi họ tên)

( ký tên, ghi họ tên)

**Biểu số 2.14:** Thẻ kho hạt nhựa ABS GP22

Ngày 05/03/2011. Trần Văn Hiến mua 2000 kg hạt nhựa SAN của công ty TNHH TM& DV Bảo Thắng với giá 32.000 đ/kg đã trả bằng chuyển khoản. Trần Hiến nhận HD GTGT số 0000903.

HÓA ĐƠN

Mẫu số : 01 GTKT- 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

KU/2011B

( Liên 2 : Giao khách hàng )

0000903

Ngày 05 tháng 03 năm 2011

|                                                                      |                       |                      |                 |                      |            |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------|----------------------|------------|
| Đơn vị bán : Công ty TNHH TM và DV Bảo Thắng                         |                       |                      |                 |                      |            |
| Địa chỉ : Số 3 – Đường Lê Chân – P. An Biên – Q. Lê Chân – Hải Phòng |                       |                      |                 |                      |            |
| Số tài khoản :1603.1485.1008.965 – Ngân hàng EXIMBANK Hải Phòng      |                       |                      |                 |                      |            |
| Điện thoại :                                                         |                       |                      | MST : 020200392 |                      |            |
| Họ tên người mua : Trần Văn Hiến                                     |                       |                      |                 |                      |            |
| Tên đơn vị : Công ty Cổ Phần Hoàng Tân                               |                       |                      |                 |                      |            |
| Địa chỉ : 49 Nguyễn Bình – Ngô Quyền – Hải Phòng                     |                       |                      |                 |                      |            |
| Số tài khoản : 0020.2144.001 - Ngân hàng TMCP Đông Á - Hải Phòng     |                       |                      |                 |                      |            |
| Hình thức thanh toán : CK                                            |                       |                      | MST : 020074189 |                      |            |
| STT                                                                  | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT                  | Số lượng        | Đơn giá              | Thành tiền |
| A                                                                    | B                     | C                    | 1               | 2                    | 3=1*2      |
|                                                                      | Hạt nhựa SAN          | Kg                   | 2000            | 32.000               | 64.000.000 |
| Cộng tiền hàng :                                                     |                       |                      |                 |                      | 64.000.000 |
| Tiền thuế GTGT :                                                     |                       |                      |                 |                      | 6.400.000  |
| Tổng cộng tiền thanh toán :                                          |                       |                      |                 |                      | 70.400.000 |
| Số tiền bằng chữ : Bảy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.          |                       |                      |                 |                      |            |
| Người mua hàng                                                       |                       | Người bán hàng       |                 | Thủ trưởng đơn vị    |            |
| ( ký ghi rõ họ tên )                                                 |                       | ( ký ghi rõ họ tên ) |                 | ( ký ghi rõ họ tên ) |            |

**Biểu số 2.15:** Hóa đơn GTGT số 0000903

Sau khi qua các vòng kiểm tra thủ kho tiến hành nhập kho hạt nhựa SAN và viết phiếu nhập kho nguyên vật liệu.

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Mẫu số 01 – VT**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số 03/03

Ngày 05 tháng 03 năm 2011

Người giao: Phạm Khoa

Định khoản

Theo HĐ GTGT số 0000903 ngày 05/03/2011

Nhập tại kho: Cty Cổ phần Hoàng Tân

| Nợ   | Có  |
|------|-----|
| 1521 |     |
| 133  | 112 |

| Tên hàng     | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|--------------|-----|----------|---------|------------|---------|
| Hạt nhựa SAN | Kg  | 2000     | 32.000  | 64.000.000 |         |
|              |     |          |         |            |         |
|              |     |          |         |            |         |
| Cộng         |     |          |         | 64.000.000 |         |

Nhập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Giám đốc

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

*(Đã ký, họ tên)*

*(Đã ký, họ tên)*

*(Đã ký, họ tên)*

*(Đã ký, họ tên)*

**Biểu số 2.16:** Phiếu nhập kho số 03/03

- PNK 03/3 ngày 05/03 ( Nhập kho hạt nhựa SAN của Cty TNHH TM & DV Bảo Thắng)
- P XK 05/03 ngày 07/03 ( Xuất kho hạt nhựa SAN bán cho Cty TNHH Trường Hình)
- Và một số P XK khác

Thủ kho tiến hành vào thẻ kho tờ 05 cho hạt nhựa SAN

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Mẫu số S12 – DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC*

*ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**THẺ KHO**

Lập thẻ ngày: 01/03/2011

Tờ số : 05

Tên, nhãn hiệu hàng hoá: Hạt nhựa SAN

Đơn vị tính: kg

| Ngày tháng | Số CT   | Diễn giải                                  | Số lượng |       |              | KQXN   |        |
|------------|---------|--------------------------------------------|----------|-------|--------------|--------|--------|
|            |         |                                            | Nhập     | Xuất  | Tồn          | GT tồn | Ký tên |
|            |         | Tồn đầu tháng                              |          |       | <u>1000</u>  |        |        |
| 05/3       | PNK03/3 | <b>Mua của cty Bảo Thắng</b>               | 2.000    |       |              |        |        |
| 07/3       | PXK05/3 | <b>Bán cho Trường Hình</b>                 |          | 268   |              |        |        |
| 21/3       | PXK15/3 | Bán cho cty Minh Ngọc                      |          | 1000  |              |        |        |
| 25/3       | PXK16/3 | Xuất cho sản xuất lô lưỡi trai mũ bảo hiểm |          | 200   |              |        |        |
|            |         | Cộng PS                                    | 2.000    | 1.468 | x            |        |        |
|            |         | Tồn cuối tháng                             | x        | x     | <u>1.532</u> |        |        |

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

( ký tên, ghi họ tên)

( ký tên, ghi họ tên)

( ký tên, ghi họ tên)

**Biểu số 2.17:** Thẻ kho hạt nhựa SAN

Tại phòng kế toán:

Hằng ngày, sau khi nhận được các chứng từ ( Hóa đơn GTGT, PNK, P XK) do thủ kho chuyển đến , kế toán kiểm tra lại chứng từ trên, xác định giá trị và hoàn chỉnh các Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho. Từ Phiếu nhập kho tiến hành vào sổ chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu.

- Từ các Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho liên quan đến hạt nhựa ABS GP22 dưới đây:
  - Phiếu nhập kho số 06/03 ngày 08/03
  - Phiếu xuất kho số 09/03 ngày 15/03
  - Phiếu nhập kho số 15/03 ngày 31/03
  - Phiếu xuất kho số 17/03 ngày 31/03( Xuất bán cho Thành Tân)

Kế toán vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu TK152- ABS GP22( Biểu số 2.18)

- Từ các PNK, P XK liên quan tới hạt nhựa SAN:
  - PNK 03/3 ngày 05/03 ( Nhập kho hạt nhựa SAN của Cty TNHH TM & DV Bảo Thắng)
  - P XK 05/03 ngày 07/03 ( Xuất kho hạt nhựa SAN bán cho Cty TNHH Trường Hình)

Kế toán vào sổ chi tiết TK152- Hạt nhựa SAN (Biểu số 2.19)

- Cuối tháng, từ các sổ chi tiết của tất cả nguyên vật liệu phát sinh trong tháng kế toán lập Bảng tổng hợp nhập - xuất – tồn nguyên vật liệu ( biểu số 2.20).

**Mẫu số S10- DN**

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**SỔ CHI TIẾT NVL**

Tháng 03 năm 2011

Tài khoản: 152

Tên kho: Kho 04

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu: Hạt nhựa ABS GP22

ĐVT: Đồng

| NT   | Chứng từ |      | Diễn giải                   | TK  | Đơn giá | Nhập  |            | Xuất  |            | Tồn        |                   | Ghi |
|------|----------|------|-----------------------------|-----|---------|-------|------------|-------|------------|------------|-------------------|-----|
| GS   | Số       | Ngày |                             | ĐƯ  |         | Lượng | Tiền       | Lượng | Tiền       | Lượng      | Tiền              | chú |
|      |          |      | <u>Dư đầu tháng</u>         |     | 31.818  |       |            |       |            | <u>500</u> | <u>15.909.000</u> |     |
| 08/3 | PN06/3   | 08/3 | <b>Trần Hiền nhập</b>       | 112 | 31.818  | 2000  | 63.636.000 |       |            | 2.500      | 79.545.000        |     |
| 15/3 | PX09/3   | 15/3 | <b>Xuất SX đầu xe trước</b> | 621 | 31.818  |       |            | 1.000 | 31.818.000 | 1.500      | 47.727.000        |     |
| 31/3 | PN15/3   | 31/3 | <b>Thu hồi ABS thừa</b>     | 621 | 31.818  | 24    | 763.632    |       |            | 1.524      | 48.490.632        |     |
| 31/3 | PX17/3   | 31/3 | Xuất bán Thành Tân          | 131 | 31.818  |       |            | 1000  | 31.818.000 | 524        | 16.672.632        |     |
|      |          |      | Cộng                        |     |         | 2024  | 64.399.632 | 2.000 | 63.636.000 | X          | X                 |     |
|      |          |      | Dư cuối tháng               |     |         | X     | X          | X     | X          | <u>524</u> | <u>16.672.632</u> |     |

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký, họ tên)

(Đã ký, họ tên)

(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.18:** Sổ chi tiết vật liệu: Hạt nhựa ABS GP22

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Mẫu số S10 – DN**

**SỔ CHI TIẾT NVL**

Tháng 03 năm 2011

Tài khoản: 152

Tên kho: Kho 05

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu: Hạt nhựa SAN

DVT: Đồng

| NT<br>GS | Chứng từ |       | Diễn giải             | TK<br>ĐƯ | Đơn giá | Nhập  |            | Xuất  |            | Tồn          |                   | Ghi<br>chú |
|----------|----------|-------|-----------------------|----------|---------|-------|------------|-------|------------|--------------|-------------------|------------|
|          | Số       | Ngày  |                       |          |         | Lượng | Tiền       | Lượng | Tiền       | Lượng        | Tiền              |            |
|          |          |       | Dư đầu tháng          |          | 32.000  |       |            |       |            | <u>1.000</u> | <u>32.000.000</u> |            |
| 05/3     | PN06/3   | 05/03 | Mua của Bảo Thắng     | 112      | 32.000  | 2000  | 64.000.000 |       |            | 3.000        | 96.000.000        |            |
| 07/3     | PX05/3   | 07/03 | Bán cho Trường Hình   | 632      | 32.000  |       |            | 268   | 8.576.000  | 2.732        | 87.424.000        |            |
| 21/3     | PX15/3   | 21/03 | Bán cho Minh Ngọc     | 632      | 32.000  |       |            | 1000  | 32.000.000 | 1.732        | 55.424.000        |            |
| 25/3     | PX16/3   | 25/03 | Xuất SX lưỡi trai MBH | 621      | 32.000  |       |            | 200   | 6.400.000  | 1.532        | 49.024.000        |            |
|          |          |       | Cộng                  |          |         | 2000  | 64.000.000 | 1.468 | 46.976.000 | X            | X                 |            |
|          |          |       | Dư cuối tháng         |          |         | X     | X          | X     | X          | <u>1.532</u> | <u>49.024.000</u> |            |

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký, họ tên)

(Đã ký, họ tên)

(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.19:** Sổ chi tiết vật liệu: Hạt nhựa SAN

**TRÍCH BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN NVL THÁNG 3/2011**

| ST<br>T  | Chủng loại               | ĐV<br>T   | Đơn giá       | Tồn đầu tháng |                   | Nhập trong tháng |                   | Xuất trong tháng |                   | Tồn cuối tháng |                   |
|----------|--------------------------|-----------|---------------|---------------|-------------------|------------------|-------------------|------------------|-------------------|----------------|-------------------|
|          |                          |           |               | SL            | Thành tiền        | SL               | Thành tiền        | SL               | Thành tiền        | SL             | Thành tiền        |
| 1        | Hạt nhựa ABS TS xám      | Kg        | 18.000        | 1487          | 26.766.000        |                  |                   | 1.360            | 24.480.000        | 127            | 2.286.000         |
| 2        | Hạt nhựa ABS TS trắng    | Kg        | 29.545        | 600           | 17.727.000        | 15               | 443.175           | 300              | 8.863.500         | 315            | 9.306.675         |
| 3        | Hạt nhựa ABS TS đen      | Kg        | 29.364        | 23            | 675.372           | 40               | 1.174.560         | 15               | 440.460           | 48             | 1.409.472         |
| <b>4</b> | <b>Hạt nhựa ABS GP22</b> | <b>Kg</b> | <b>31.818</b> | <b>500</b>    | <b>15.909.000</b> | <b>2024</b>      | <b>64.399.632</b> | <b>2.000</b>     | <b>63.636.000</b> | <b>524</b>     | <b>16.672.632</b> |
| <b>5</b> | <b>Hạt nhựa SAN</b>      | <b>Kg</b> | <b>32.000</b> | <b>1.000</b>  | <b>32.000.000</b> | <b>2000</b>      | <b>64.000.000</b> | <b>1.468</b>     | <b>46.976.000</b> | <b>1.532</b>   | <b>49.024.000</b> |
| 6        | Hạt nhựa PP H 03G        | Kg        | 21.364        | 182           | 3.888.248         | 1000             | 21.364.000        | 24               | 512.736           | 1158           | 24.739.512        |
| 7        | Hạt nhựa HI              | Kg        | 19.500        |               |                   | 2000             | 39.000.000        |                  |                   | 2000           | 39.000.000        |
| 8        | Bột màu đen              | Kg        | 225.000       | 26            | 5.850.000         | 30               | 6.750.000         | 20               | 4.500.000         | 36             | 8.100.000         |
|          | .....                    |           |               |               |                   |                  |                   |                  |                   |                |                   |
|          | Cộng                     |           | X             |               | 240.578.000       | X                | 280.922.000       | X                | 300.754.000       | X              | 220.746.000       |

**Biểu 2.20:** Bảng tổng hợp Nhập - Xuất – Tồn NVL

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

### **2.2.5: Kế toán tổng hợp NVL**

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán Công ty Cổ phần Hoàng Tân sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

#### **2.2.5.1 Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

#### **2.2.5.2 Tài khoản kế toán sử dụng**

\*Kế toán nguyên vật liệu sử dụng tài khoản:

- TK 152- nguyên liệu vật liệu
- TK 151- Hàng mua đi đường

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng các TK liên quan khác: TK 111, TK112, TK621, TK627...

#### **2.2.5.3: Quy trình hạch toán**

➤ Với các nghiệp vụ tăng NVL như:

- 1: Phiếu nhập kho số 03/03 ngày 05/03 (Biểu số 2.11)
- 2: Phiếu nhập kho số 06/03 ngày 08/03 ( Biểu số 2.8)
- 3: Phiếu nhập kho số 14/03 ngày 29/03 ( Biểu số 2.4)
- 4: Phiếu nhập kho số 15/03 ngày 31/03 ( Biểu số 2.9)

...

Hàng ngày, kế toán ghi căn cứ vào các PNK trên kế toán lập Bảng kê nhập kho nguyên vật liệu ( Biểu số 2.21).

Đến cuối tháng từ bảng kê nhập kho nguyên vật liệu kế toán lập Chứng từ ghi sổ (Chứng từ ghi sổ được lập cho tất cả những nghiệp vụ phát sinh làm tăng nguyên vật liệu trong tháng) từ Chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào Sổ cái TK152 và vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

➤ Với các nghiệp vụ giảm NVL sau:

1. Phiếu xuất kho 01/03 ngày 02/3 (Biểu số 2.5)
2. Phiếu xuất kho 05/03 ngày 07/3 (Biểu số 2.11)
3. Phiếu xuất kho 09/03 ngày 15/03 (Biểu số 2.13)

...

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ xuất kho NVL kế toán lập Bảng kê xuất kho NVL (biểu số 2.22)

Cuối tháng sẽ vào Chứng từ ghi sổ ( Tổng hợp các nghiệp vụ làm giảm nguyên vật liệu), từ Chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào Sổ cái TK152 và vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

### **BẢNG KÊ NHẬP KHO NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG THÁNG 3**

*Ghi Nợ TK 152, ghi Có các TK liên quan*

| Chứng từ      |             | Diễn giải                                     | Ghi Nợ<br>TK152   | Ghi Có các TK |                   |                   |                |           |      |
|---------------|-------------|-----------------------------------------------|-------------------|---------------|-------------------|-------------------|----------------|-----------|------|
| SH            | NT          |                                               |                   | 111           | 112               | 331               | 621            | 641       | .... |
| PN01/3        | 02/3        | Nhập ABS TS trắng từ BPBH                     | 443.175           |               |                   |                   |                | 443.175   |      |
| PN02/3        | 03/3        | Mua hạt nhựa ABS TS đen                       | 1.174.560         | 1.174.560     |                   |                   |                |           |      |
| <b>PN03/3</b> | <b>05/3</b> | <b>Mua hạt nhựa SAN</b>                       | <b>64.000.000</b> |               | <b>64.000.000</b> |                   |                |           |      |
| <b>PN06/3</b> | <b>08/3</b> | <b>Hạt nhựa ABS GP22</b>                      | <b>63.636.000</b> |               | <b>63.636.000</b> |                   |                |           |      |
| PN07/3        | 10/3        | Hạt nhựa PP H 03G                             | 21.364.000        |               |                   | 21.364.000        |                |           |      |
| PN08/3        | 20/3        | Bột màu đen                                   | 6.750.000         | 6.750.000     |                   |                   |                |           |      |
| ...           |             | ...                                           | ...               |               |                   |                   |                |           |      |
| <b>PN14/3</b> | <b>29/3</b> | <b>Hạt nhựa HI</b>                            | <b>39.000.000</b> |               |                   | <b>39.000.000</b> |                |           |      |
| <b>PN15/3</b> | <b>31/3</b> | <b>Thu hồi ABS GP22 từ SX</b>                 | <b>763.632</b>    |               |                   |                   | <b>763.632</b> |           |      |
| PN16/3        | 31/3        | Thu hồi PMMA không sử dụng hết tại bộ phận BH | 3.589.000         |               |                   |                   |                | 3.589.000 |      |
|               |             | Cộng                                          | 280.922.000       | 25.527.244    | 127.636.000       | 99.945.825        | 763.632        | 4.032.175 |      |

**Biểu số 2.21:** Bảng kê nhập kho NVL trong T3/2011

### **BẢNG KÊ XUẤT KHO NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG THÁNG 3/2011**

*Ghi Có cho TK 152, ghi Nợ các TK liên quan*

| Chứng từ      |             | Diễn giải                            | Ghi Có<br>TK 152  | Ghi Nợ các TK liên quan |                   |            |                  |           |
|---------------|-------------|--------------------------------------|-------------------|-------------------------|-------------------|------------|------------------|-----------|
| SH            | NT          |                                      |                   | 157                     | 621               | 627        | 632              | 641       |
| <b>PX01/3</b> | <b>02/3</b> | <b>Gửi bán hạt nhựa ABS TS trắng</b> | <b>8.863.500</b>  | <b>8.863.500</b>        |                   |            |                  |           |
| PX07/3        | 06/3        | Xuất PMMA phục vụ bán hàng           | 5.750.000         |                         |                   |            |                  | 5.750.000 |
| <b>PX05/3</b> | <b>07/3</b> | <b>Bán hạt nhựa SAN cho TH</b>       | <b>8.576.000</b>  |                         |                   |            | <b>8.576.000</b> |           |
| <b>PX09/3</b> | <b>15/3</b> | <b>Xuất hn ABS GP22 cho SX</b>       | <b>63.636.000</b> |                         | <b>63.636.000</b> |            |                  |           |
|               |             | <b>Xuất bột màu đen cho SX</b>       | <b>4.500.000</b>  |                         | <b>4.500.000</b>  |            |                  |           |
| ...           |             | ...                                  |                   |                         |                   |            |                  |           |
| PX14/3        | 18/3        | Xuất ABS TS xám cho PXSX             | 24.480.000        |                         |                   | 24.480.000 |                  |           |
| PX15/3        | 21/3        | Bán hạt nhựa SAN cho MN              | 46.976.000        |                         |                   |            | 46.976.000       |           |
| PX16/3        | 25/3        | Xuất hạt nhựa SAN cho SXSP           | 6.400.000         |                         | 6.400.000         |            |                  |           |
| PX17/3        | 31/3        | Bán ABS GP22 cho TT                  | 31.818.000        |                         |                   |            | 31.818.000       |           |
|               |             | Cộng                                 | 300.754.000       | 24.480.00               | 90.636.000        | 18.900.000 | 160.988.000      | 5.750.000 |

**Biểu số 2.22:** Bảng kê xuất kho nguyên vật liệu trong T3/201

Từ bảng kê chi tiết nhập kho NVL kế toán lập CTGS số 60

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN** **Mẫu số S02a - DN**  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*  
*ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số: ....0060.....**

**Ngày 31 tháng 03 năm 2011**

| Trích yếu                                     | SHTK       |            | Số tiền            | Ghi chú |
|-----------------------------------------------|------------|------------|--------------------|---------|
|                                               | Nợ         | Có         |                    |         |
| <b>Tổng hợp nhập kho NVL</b>                  |            |            |                    |         |
| Nhập hạt nhựa ABS TS trắng từ BPBH            | 152        | 641        | 443.175            |         |
| Mua hạt nhựa ABS TS đen trả tiền mặt          | 152        | 111        | 1.174.560          |         |
| <b>TrầnHiển mua hạt nhựa ABS GP22bằng CK</b>  | <b>152</b> | <b>112</b> | <b>63.636.000</b>  |         |
| <b>Mua hạt nhựa SAN trả bằng chuyển khoản</b> | <b>152</b> | <b>112</b> | <b>64.000.000</b>  |         |
| Mua hạt nhựa PP H 03G chưa trả tiền           | 152        | 331        | 21.364.000         |         |
| Mua bột màu đen trả bằng tiền mặt             | 152        | 111        | 6.750.000          |         |
| <b>Mua hạt nhựa HI</b>                        | <b>152</b> | <b>331</b> | <b>39.000.000</b>  |         |
| <b>Thu hồi ABS GP22 thừa từ SX</b>            | <b>152</b> | <b>621</b> | <b>763.632</b>     |         |
| ...                                           |            |            |                    |         |
| <b>Cộng</b>                                   |            |            | <b>280.922.000</b> |         |

Kèm theo:

Người lập biểu  
*( đã ký, ghi rõ họ tên)*

Kế toán trưởng  
*( đã ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 2.23:** Chứng từ ghi sổ 60

Từ bảng kê chi tiết xuất kho NVL kế toán lập CTGS số 61

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Mẫu số S02a- DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC*

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số: ....0061.....**

**Ngày 31 tháng 03 năm 2011**

| Trích yếu                                      | SHTK              |                   | Số tiền                  | Ghi chú |
|------------------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------------|---------|
|                                                | Nợ                | Có                |                          |         |
| Tổng hợp xuất NVL                              |                   |                   |                          |         |
| <b><i>Gửi bán hạt nhựa ABS TS trắng</i></b>    | <b><i>157</i></b> | <b><i>152</i></b> | <b><i>8.863.500</i></b>  |         |
| Xuất PMMA phục vụ bán hàng                     | 641               | 152               | 5.750.000                |         |
| <b><i>Bán hạt nhựa SAN cho Trường Hình</i></b> | <b><i>632</i></b> | <b><i>152</i></b> | <b><i>8.576.000</i></b>  |         |
| <b><i>Xuất hạt nhựa ABS GP22 cho SX</i></b>    | <b><i>621</i></b> | <b><i>152</i></b> | <b><i>63.636.000</i></b> |         |
| <b><i>Xuất bột màu đen cho SX</i></b>          | <b><i>621</i></b> | <b><i>152</i></b> | <b><i>4.500.000</i></b>  |         |
| ...                                            |                   |                   |                          |         |
| Xuất ABS TS trắng cho PXSX                     | 627               | 152               | 24.480.000               |         |
| Bán hạt nhựa SAN cho MN                        | 632               | 152               | 46.976.000               |         |
| Xuất hạt nhựa SAN cho SXSP                     | 621               | 152               | 6.400.000                |         |
| Cộng                                           |                   |                   | 300.754.000              |         |

Kèm theo: 24 chứng từ gốc

Người lập biểu

*(Đã ký, ghi rõ họ tên)*

Kế toán trưởng

*(Đã ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 2.24:** Chứng từ ghi sổ số 0061

Từ các Chứng từ ghi sổ trên kế toán vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Mẫu số S02b - DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

***Tháng 03 năm 2011***

| Chứng từ ghi sổ |       | Nội dung                        | Số tiền       |
|-----------------|-------|---------------------------------|---------------|
| Số              | Ngày  |                                 |               |
| 60              | 31/03 | Tổng hợp nhập kho NVL           | 280.922.000   |
| 61              | 31/03 | Tổng hợp xuất kho NVL           | 300.754.000   |
| 62              | 31/03 | Tập hợp thuế GTGT được khấu trừ | 45.691.723    |
| 63              | 31/03 | Tổng thu tiền mặt               | 45.000.000    |
| 64              | 31/03 | Tổng hợp chi tiền mặt           | 30.000.000    |
| 65              | 31/03 | Tổng hợp tăng TSCĐ              | 200.540.000   |
| 66              | 31/03 | Tổng hợp giảm TSCĐ              | 150.000.000   |
|                 |       | ....                            |               |
|                 |       | Cộng                            | 3.890.000.000 |

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Đã ký, họ tên)*

*(Đã ký, họ tên)*

*(Đã ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu số 2.25:** Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Mẫu sổ S02c1 – DN**

*( Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ- BTC*

*ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC )*

**SỔ CÁI**

***Tháng 03 năm 2011***

**TK: 152 – Nguyên vật liệu**

| NTGS | CTGS |      | Diễn giải                     | SHTK | Số tiền            |             |
|------|------|------|-------------------------------|------|--------------------|-------------|
|      | Số   | Ngày |                               |      | Nợ                 | Có          |
|      |      |      | <u>Dư đầu tháng</u>           |      | <u>240.578.000</u> |             |
| 31/3 | 60   | 31/3 | Tổng hợp nhập NVL             |      |                    |             |
|      |      |      | Trần Hiễn ABS GP22            | 112  | 63.636.000         |             |
|      |      |      | Mua hạt nhựa SAN              | 112  | 64.000.000         |             |
|      |      |      | Mua hạt nhựa HI               | 331  | 39.000.000         |             |
|      |      |      | Thu hồi ABS GP22 từ SX        | 621  | 763.632            |             |
|      |      |      | .....                         |      |                    |             |
| 31/3 | 61   | 31/3 | Tổng hợp xuất NVL             |      |                    |             |
|      |      |      | Gửi bán ABS TS trắng          | 157  |                    | 8.863.500   |
|      |      |      | Bán SAN cho Trường Hình       | 632  |                    | 8.576.000   |
|      |      |      | Xuất hạt nhựa ABS GP22 cho SX | 621  |                    | 63.636.000  |
|      |      |      | Xuất bột màu đen cho SX       | 621  |                    | 4.500.000   |
|      |      |      | .....                         |      |                    |             |
|      |      |      | Cộng                          |      | 280.922.000        | 300.754.000 |
|      |      |      | Dư cuối tháng                 |      | <u>220.746.000</u> |             |

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.26: Sổ cái TK152**

### **2.2.6: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Công ty không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

### **2.2.7: Công tác kiểm kê kho nguyên vật liệu tại công ty**

Công ty tiến hành kiểm kê kho định kỳ mỗi năm một lần vào 31/12 hàng năm. Mục đích của việc kiểm kê nguyên vật liệu nhằm thống kê số lượng, chất lượng nguyên vật liệu tồn phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản chẵn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại kho.

Trước khi kiểm kê thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để việc kiểm kê được thuận lợi. Đồng thời kế toán nguyên vật liệu cũng phải hoàn thiện, khóa sổ kế toán và tính ra số lượng, giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Nguyên vật liệu tồn kho của công ty chủ yếu là các loại hạt nhựa, đã bảo quản trong các kho riêng biệt. Khi có quyết định kiểm kê công ty lập ban kiểm kê kho gồm ba người: một thủ kho, một thống kê và một kế toán nguyên vật liệu. Những cán bộ này đều là những người có trình độ chuyên môn cao, họ tiếp xúc với nguyên vật liệu nhiều, qua cân đong đo đếm, kiểm tra các mẫu thử ngẫu nhiên họ đưa ra kết quả.

Kế toán thực hiện việc so sánh đối chiếu giữa Sổ chi tiết vật tư với số lượng thực tế trong kho, tìm ra nguyên nhân vật tư bị dư thừa hay thiếu hụt là do nguyên nhân khí hậu, thời tiết hay do cân đong đo đếm.

Kết quả kiểm kê được ghi vào Biên bản kiểm kê do phòng kinh doanh lập cuối kỳ kiểm kê, biên bản được gửi lên phòng kế toán, kế toán tập hợp số liệu tính giá trị và xác định chênh lệch thừa thiếu cho từng loại rồi tiến hành tính giá trị chênh lệch cho từng loại.

Căn cứ vào kết quả kiểm kê, và nguyên nhân gây ra thừa thiếu, ban giám đốc sẽ đưa ra những quyết định xử lý hao hụt, và đưa ra những biện pháp quản lý tốt hơn.

Để hạch toán thừa, thiếu nguyên vật liệu kế toán sử dụng tài khoản:

+ TK 138 (1381) – Tài sản thừa chờ xử lý

+ TK 338 (3381) - Tài sản thiếu chờ xử lý

Kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê để tiến hành ghi sổ

\*Nếu phát hiện thừa qua kiểm kê:

Nợ TK152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK338(1) - Tài sản thừa chờ xử lý

\* Nếu phát hiện thiếu:

Nợ TK138(1) Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Ví dụ: theo biên bản kiểm kê kho vật tư 31/12/2010, kế toán phát hiện thiếu hụt mất 2kg bột màu ghi, đơn giá thực tế là 163.673 đ/kg

Nợ TK1381: 327.346

Có TK152- BMG: 327.346

Cách xử lý tại công ty: Khoản thiếu hụt ấy được xác định do lỗi của một công nhân nên hội đồng ra quyết định trừ vào lương của công nhân đó.

Nợ TK 334: 327.346

Có TK 152 - BMG: 327.346

Trang bên là mẫu Biên bản kiểm kê kho của công ty

**CÔNG TY CP HOÀNG TÂN**

**Biên bản kiểm kê kho nguyên vật liệu**

Ngày 31 tháng 12 năm N

Thời gian kiểm kê:

Ban kiểm kê bao gồm:

Ông(Bà) :

Chức vụ:

Ông(Bà) :

Chức vụ :

Ông(Bà) :

Chức vụ:

| TT  | Tên vật liệu | ĐVT | Tồn sổ sách |    | Tồn kiểm kê |    | Chênh lệch |    |
|-----|--------------|-----|-------------|----|-------------|----|------------|----|
|     |              |     | SL          | TT | SL          | TT | SL         | TT |
| 1   |              |     |             |    |             |    |            |    |
| 2   |              |     |             |    |             |    |            |    |
| 3   |              |     |             |    |             |    |            |    |
| ... | .....        |     |             |    |             |    |            |    |

Ngày 31 tháng 12 năm N

Thủ kho

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

Thống kê

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

Kế toán

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 2.27:** Mẫu Biên bản kiểm kê kho nguyên vật liệu

### **Chương 3**

## **MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN**

### **3.1: NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN**

Công ty Cổ phần Hoàng Tân đã và đang vững bước trên con đường phát triển, từng bước khẳng định được tên tuổi của mình trên cả nước. Trong hơn 10 năm hoạt động công ty đã đạt được những thành tựu to lớn, trở thành một trong những doanh nghiệp thành công về cả hai mặt kinh doanh thương mại và sản xuất sản phẩm, là nhà phân phối độc quyền cho nhiều sản phẩm nổi tiếng, là doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm nhựa có uy tín, là doanh nghiệp sản xuất phụ tùng xe gắn máy, các sản phẩm từ nhựa có thương hiệu tại Việt Nam. Để đạt được những thành tích trên công ty đã biết khai thác phát huy và sử dụng có hiệu quả nội lực, tiềm năng bên ngoài thu được những thắng lợi về mọi mặt:

- ✓ Sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- ✓ Đảm bảo đời sống ổn định cho cán bộ công nhân
- ✓ Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước
- ✓ Không ngừng xây dựng phát triển cơ sở vật chất
- ✓ Hoàn chỉnh từng bước việc tổ chức sắp xếp lực lượng sản xuất với những mô hình thực sự có hiệu quả trong từng giai đoạn.
- ✓ Đào tạo được đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn giỏi, yêu nghề và đội ngũ công nhân có kỷ luật, tay nghề cao.

Kế toán là một công cụ hữu hiệu nhất điều hành, quản lý, kiểm tra tính hiệu quả của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Khi xu thế cạnh tranh ngày càng lành mạnh giữa các doanh nghiệp, giá cả sản phẩm là yếu tố quyết định “số phận” của sản phẩm, lợi nhuận của công ty. Như chúng ta đã biết nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản

phẩm. Hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh trung thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm cách tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Qua thời gian ngắn thực tập tại Công ty Cổ Phần Hoàng Tân, được tìm hiểu các phần hành kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty tương đối tốt, có nhiều điểm mạnh cần phát huy và cũng còn tồn tại một số điểm chưa thật phù hợp cho công tác quản lý.

### **3.1.1: Những ưu điểm**

- *Về bộ máy kế toán:* Công ty có bộ máy kế toán khá phù hợp với đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh. Bộ máy kế toán gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có nề nếp. Hệ thống chứng từ được quản lý và luân chuyển khá chặt chẽ. Các cán bộ kế toán có trình độ, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần trách nhiệm cao.

Để phục vụ cho công tác kế toán, công ty đã trang bị cho phòng Tài chính – Kế toán hệ thống máy vi tính gồm 5 chiếc kèm theo cả hệ thống máy in. Để hạch toán chi tiết vật liệu, công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song và nhìn chung đã tuân thủ theo đúng trình tự hạch toán.

Phòng kế toán và Thủ kho đã kết hợp nhịp nhàng trong công tác tổ chức hạch toán nguyên vật liệu để đảm bảo sử dụng hợp lý tiết kiệm nguyên vật mà vẫn đem lại hiệu quả sản xuất và kinh doanh cao.

- *Về Hình thức kế toán, chứng từ, sổ sách:* Công ty chọn hình thức sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ là phù hợp với đặc điểm sản xuất của công ty, các loại sổ sách, chứng từ về cơ bản là đúng mẫu ban hành của chế độ kế

toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời phản ánh đầy đủ kịp thời đảm bảo được yêu cầu phản ánh thông tin một cách chính xác.

- *Về phương pháp kế toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên giúp công ty kịp thời nắm bắt được thông tin một cách đầy đủ, toàn diện tình hình nhập xuất tồn của nguyên vật liệu trong kỳ. từ đó nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu và đề ra những biện pháp nhằm dự trữ, sử dụng có hiệu quả nguyên vật liệu.

- *Về hạch toán, quản lý nguyên vật liệu:*

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty áp dụng phương pháp thẻ song song, với phương pháp này giúp phòng kế toán theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu đồng thời đối chiếu kiểm tra các chứng từ cũng đơn giản hơn rất nhiều. Thẻ kho, các sổ chi tiết có liên quan đến phương pháp này được mở và ghi chép đúng mẫu.

Phương pháp tính giá xuất kho NVL là thực tế đích danh khá đơn giản, dễ tính và phản ánh được chính xác giá trị NVL xuất kho.

Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý vật liệu khoa học hợp lý từ khâu thu mua dự trữ, bảo quản đến sử dụng cho sản xuất.

Khâu thu mua: Tại thị trường trong nước công ty luôn xây dựng mối quan hệ bạn hàng lâu năm, nên khâu thu mua ổn định và thường không mất phí vận chuyển và công ty tổ chức tốt một phòng ban chuyên thu mua, đội ngũ tiếp liệu đảm bảo cung cấp đầy đủ vật tư cho sản xuất thông qua lập và quản lý chứng từ thu mua

Khâu bảo quản: Công ty xây dựng hệ thống kho hợp khoa học, được đánh lô rõ ràng, cất giữ nguyên vật liệu riêng, tiện cho việc nhập xuất nguyên vật liệu. Tại các kho đều được trang bị đầy đủ các thiết bị đo lường bảo quản vật liệu.

Khâu sử dụng : Phòng kỹ thuật đã xây dựng các định mức về vật liệu kết hợp nhu cầu sản xuất, phòng kinh doanh cung cấp vật liệu cho sản xuất nhanh chóng và tiết kiệm nhất.

*-Về lập định mức tiêu hao nguyên vật liệu.*

Việc lập định mức sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất trong công ty cổ phần Hoàng Tân rất được quan tâm. Hệ thống định mức sử dụng vật tư được sử dụng và được điều chỉnh theo sự biến động của vật liệu xuất dùng thực tế nên đảm bảo được tính phù hợp, tính xác thực và tính khoa học làm tăng hiệu quả của việc quản lý nguyên vật liệu.

Nếu công ty không tiến hành lập định mức sát với thực tế sản xuất thì dẫn đến sản xuất thiếu ( không đáp ứng được nhu cầu của thị trường và không sản xuất hết công suất máy móc thiết bị dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn không cao) hoặc sản xuất thừa (gây ứ đọng sản phẩm gây thiệt hại cho công ty). Do vậy việc lập định mức chi phí nguyên vật liệu là rất cần thiết đối với công ty.

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu của công ty vẫn còn những mặt chưa hợp lý.

### **3.1.2. Những tồn tại**

*- Về Hệ thống chứng từ sổ sách kế toán nguyên vật liệu*

Nhìn chung công ty đã thực hiện kế toán nguyên vật liệu quy định tại Quyết định số 15 QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Tuy nhiên Công ty còn sử dụng một số mẫu chứng từ cũ như:

- Trên Phiếu nhập hiện nay công ty sử dụng số lượng chỉ có một cột còn PNK mới được chia làm hai cột: Một là Theo chứng từ; Hai là Thực nhập
- Trên Phiếu xuất kho thì số lượng cũng chưa chia ra thành 2 cột: Một là Yêu cầu. Hai là: thực xuất

- Chứng từ ghi sổ: sổ tiền chưa chia thành 2 cột: Cột Nợ, Cột Có

Như vậy sẽ không tiện cho việc theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu bởi khi nguyên vật liệu về nhập kho không phải lúc nào số lượng ghi trên hóa đơn và số lượng thực tế nhập kho cũng khớp đúng mà có những trường hợp vật liệu bị thất thoát được phát hiện khi kiểm kê để nhập kho hoặc cũng có khả năng chất lượng nguyên vật liệu không đảm bảo yêu cầu doanh nghiệp sẽ trả lại đơn vị số lượng nguyên vật liệu không đảm bảo đó.

- Cách phân loại nguyên vật liệu theo sổ điểm danh trên sổ sách cũng chưa được công ty chú trọng.

Khi phân loại vật liệu công ty đã phân chia thành nhiều loại: Nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... về cơ bản là phù hợp với đặc điểm của vật liệu và đáp ứng nhu cầu quản lý, song với từng nhóm nguyên liệu, vật liệu thì công ty lại chưa mở sổ danh điểm nguyên vật liệu, mà nguyên vật liệu của công ty bao gồm nhiều chủng loại hạt nhựa khác nhau khó có thể nhớ hết được. Vì vậy, xây dựng sổ danh điểm vật liệu sẽ giúp cho kế toán theo dõi vật liệu một cách dễ dàng và chặt chẽ hơn.

*-Về công tác hạch toán:*

Công ty có quy mô sản xuất kinh doanh không lớn, các nghiệp vụ nhập, xuất diễn ra hàng ngày tuy không nhiều nhưng cần phản ánh một cách đầy đủ kịp thời. Vì vậy, công ty nên áp dụng ghi vào chứng từ ghi sổ 15 ngày một lần. Như vậy công việc sẽ bớt dồn về cuối tháng hơn, bớt vất vả cho nhân viên kế toán mà độ chính xác cao hơn rất nhiều.

*-Về luân chuyển chứng từ:* Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên tuy nhiên khi luân chuyển giữa các phòng ban này không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi mất mát thì không biết phải quy trách nhiệm cho ai, việc này làm cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

-*Về thủ tục nhập xuất kho:* Công ty vẫn thực hiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đối với nguyên vật liệu mua về không qua kho. Việc hạch toán này chỉ mang tính hình thức, mất nhiều thời gian công sức của kế toán cũng như thủ kho.

### 3.2: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu trước hết phải đảm bảo được các biện pháp hoàn thiện phải xây dựng trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành, tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý ở đơn vị. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, dựa trên cơ sở tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm chi phí tạo, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Là một sinh viên thực tập, trình độ có hạn, kinh nghiệm chưa có, thời gian thực tập chưa nhiều nên em chưa thể nắm bắt được toàn bộ những kiến thức về lý luận cũng như thực tế về công tác kế toán. Tuy nhiên em cũng xin được đưa ra một vài ý kiến đóng góp để khắc phục một số tồn tại như đã phân tích ở mục 3.1.2 bên trên nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Hoàng Tân hơn.

- *Về hệ thống chứng từ và công tác ghi chép ban đầu:*

\* Nhằm tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành và để phục vụ tốt cho công tác kế toán, công ty nên sử dụng đồng bộ tất cả các loại chứng từ theo Quyết định số 15 Q Đ/ BTC ngày 20/3/2006 của bộ trưởng bộ tài chính như: Phiếu nhập kho nên thay đổi theo mẫu mới.

Đơn vị:.....

**Mẫu số: 01-VT**

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU NHẬP KHO

Ngày ...tháng...năm

Nợ:.....

Số:.....

Có:.....

Họ tên người giao:

Theo...số....ngày..tháng..năm...của...

Nhập tại kho: .....địa điểm.....

| STT | Tên quy cách,<br>nhãn hiệu vật tư | Mã<br>Số | ĐVT | Số lượng         |           | Đơn<br>giá | Thành<br>tiền |
|-----|-----------------------------------|----------|-----|------------------|-----------|------------|---------------|
|     |                                   |          |     | Theo<br>chứng từ | Thực nhập |            |               |
|     |                                   |          |     |                  |           |            |               |
|     |                                   |          |     |                  |           |            |               |
|     | Cộng                              | X        | X   | X                | X         | X          |               |

Tổng số tiền( viết bằng chữ).....

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày...tháng...năm....

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

### **Biểu số 2.28:** Mẫu phiếu nhập kho

Đơn vị:.....

**Mẫu số: 01-VT**

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày ...tháng...năm

Nợ:.....

Số:.....

Có:.....

Đơn vị nhận:.....

Lý do xuất kho:.....

Xuất tại kho:.....

| STT | Tên quy cách,<br>nhãn hiệu vật tư | Mã<br>Số | ĐV<br>T | Số lượng |           | Đơn<br>giá | Thành<br>tiền |
|-----|-----------------------------------|----------|---------|----------|-----------|------------|---------------|
|     |                                   |          |         | Yêu cầu  | Thực xuất |            |               |
|     |                                   |          |         |          |           |            |               |
|     |                                   |          |         |          |           |            |               |
|     | Cộng                              | X        | X       | X        | X         | X          |               |

Tổng số tiền( viết bằng chữ).....

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày...tháng...năm....

Người lập phiếu  
(ký,họ tên)

Người giao hàng  
(ký,họ tên)

Thủ kho  
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký,họ tên)

**Biểu số 2.29:** Mẫu Phiếu xuất kho

*-Hoàn thiện việc lập sổ điểm danh vật tư*

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp có rất nhiều loại khác nhau, để thuận tiện cho việc theo dõi kiểm tra tình hình Nhập- Xuất –Tồn, đơn vị nên lập sổ danh điểm vật liệu. Ví dụ lập sổ danh điểm vật liệu theo mẫu sau:

**SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU**

| Ký hiệu |                 | Tên, nhãn hiệu, quy cách, chủng loại | ĐVT | Đơn giá | Ghi chú |
|---------|-----------------|--------------------------------------|-----|---------|---------|
| Số VL   | Sô danh điểm VL |                                      |     |         |         |
| 01      | Nhóm hạt nhựa   | Nhựa ABS                             | Kg  |         |         |
|         | 152.H01         | Nhựa ABS xám                         | Kg  |         |         |
|         | 152.H02         | Nhựa ABS trắng                       | Kg  |         |         |
|         | .....           |                                      |     |         |         |
| 02      | Nhóm bột màu    |                                      |     |         |         |
|         | 152.B01         | Bột màu vàng                         | Kg  |         |         |
|         | 152.B02         | Bột màu trắng                        | Kg  |         |         |
| ....    | .....           | .....                                |     |         |         |

**Biểu số 2.30:** Sổ danh điểm vật liệu

*\*Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:*

Công ty lên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận thì các bên đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát thì sẽ quy trách nhiệm đúng người hơn và điều quan trọng hơn cả là việc làm này giúp cho quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty hơn, nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Sau đây là mẫu: Phiếu giao nhận chứng từ nhập kho hoặc xuất kho.

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO**

Từ ngày..... đến ngày.....

| Nhóm vật liệu<br>(dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa) | Số lượng chứng từ | Số hiệu chứng từ | Số tiền |
|------------------------------------------------|-------------------|------------------|---------|
| 1                                              | 2                 | 3                | 4       |
|                                                |                   |                  |         |
|                                                |                   |                  |         |

Ngày ...tháng ...năm.....

Người nhận  
(ký, ghi họ tên)

Người giao  
(ký, ghi họ tên)

**Biểu số 2.31:** Phiếu giao nhận chứng từ nhập kho hoặc xuất kho.

*\*Hoàn thiện thủ tục nhập xuất kho nguyên vật liệu*

Khi mua nguyên vật liệu về có hai trường hợp xảy ra:

TH1: Nguyên vật liệu mua về nhập kho dự trữ. Khi đó công ty tiến hành thủ tục nhập kho như thường. Và sau đó theo yêu cầu của sản xuất sẽ tiến hành xuất kho nguyên vật liệu.

TH2 : Do nhu cầu cần nguyên vật liệu ngay lên nguyên vật liệu mua về được chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất. Trong trường hợp này, mặc dù không nhập kho nhưng kế toán vẫn tiến hành nhập kho, xuất kho như TH1. Như vậy, việc thực hiện các thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu( trong khi không nhập, xuất kho) nhiều khi chỉ mang tính hình thức, rườm rà, làm như vậy sẽ hao phí về lao động kế toán. Trường hợp này, công ty chỉ cần làm thủ tục kiểm nghiệm nguyên vật liệu và làm Biên bản giao nhận nguyên vật liệu. Biên bản này được làm căn cứ hạch toán chi phí ( thay cho Phiếu nhập kho và Phiếu xuất kho).

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN NGUYÊN VẬT LIỆU**

Ngày ... tháng.....năm

Chúng tôi gồm:

1: Ông( Bà):

2: Ông (Bà):

Đã tiến hành bàn giao sử dụng vật tư để sử dụng

| STT | Tên, quy cách , chủng loại<br>vật tư | ĐVT | Số lượng |
|-----|--------------------------------------|-----|----------|
| 1   |                                      |     |          |
| 2   |                                      |     |          |
| ... |                                      |     |          |
|     |                                      |     |          |

Đại diện bên cung ứng

( ký tên, ghi họ tên)

Đại diện bên nhận

( ký tên, ghi họ tên)

**Biểu số 2.32:** Biên bản giao nhận nguyên vật liệu

Biên bản trên được lập ngay tại chỗ, sau đó hóa đơn và biên bản được chuyển lên phòng kế toán làm căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán.

Ngoài việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu thì việc hoàn thiện công tác kế toán quản trị có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc quản lý sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu tăng lợi nhuận cho công ty.

Để giảm chi phí nguyên vật liệu công ty cần sử dụng các biện pháp sau:

- *Làm tốt vấn đề cung ứng NVL:* công ty cần căn cứ vào kế hoạch sản xuất để có kế hoạch thu mua chi trả cho NVL hợp lý về cả số lượng, chủng loại, chất lượng để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được liên tục.

Để làm được điều này công ty cần đưa ra những kế hoạch thu mua cụ nguyên vật liệu hợp lý nhất, chỉ mua những loại nguyên vật liệu đại yêu cầu và đúng kế hoạch, không nhập những loại vật tư không đảm bảo chất lượng, không đúng chủng loại nếu thực không cần thiết để đảm bảo cho vốn lưu động không bị ứ đọng, rút ngắn vòng quay vốn lưu động.

- *Làm tốt công tác quản lý NVL*: Quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua vận chuyển, bảo quản đến khi sản xuất. Muốn nâng cao chất lượng bảo quản NVL công ty cần áp dụng các biện pháp đòn bẩy kinh tế thông qua việc giao trách nhiệm cho từng khâu, từng người, xây dựng và kiểm tra định mức tiêu hao NVL đối với từng loại sản phẩm. Đây là vấn đề cốt lõi trong quản lý nguyên vật liệu của quá trình sản xuất kinh doanh.

Liên tục kiểm tra quá trình sản xuất ngăn chặn kịp thời các hiện tượng mất mát sử dụng lãng phí NVL, giảm tỷ lệ phế phẩm, từ đó làm giảm chi phí nguyên vật liệu. Công ty cần có những biện pháp xử phạt tài chính nghiêm khắc đối với người có hành vi vi phạm.

Đồng thời đơn vị cũng nên tổ chức những khóa học nâng cao nghiệp vụ, trình độ cho công nhân để học làm việc tốt hơn khoa học hơn, và với một tinh thần kỷ luật cao hơn. Chăm lo đến công đến công nhân để họ làm việc hăng say hơn gắn bó với công ty hơn. Như vậy công ty vừa nâng cao được chất lượng sản phẩm, giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu. Từ đó góp phần tiết kiệm được chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm.

Tóm lại, trên đây là một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty mà em tự rút ra trong quá trình thực tập và nghiên cứu đề tài. Trong quá trình đưa ra ý kiến đóng góp em có gì sai sót mong sự đóng góp của thầy, cô để em được học hỏi kinh nghiệm nhiều hơn.

## KẾT LUẬN

Từ những tìm hiểu và nghiên cứu chung về tình hình thực tế của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Hoàng Tân ở trên chúng ta có thể khẳng định kế toán nguyên vật liệu là quan trọng và không thể thiếu được trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh.

Việc hạch toán nguyên vật liệu được đầy đủ, chính xác, kịp thời và đúng đắn sẽ là một trong những biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất góp phần vào việc tính giá thành, tạo điều kiện cho các nhà quản lý đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác về giá bán nhằm thu được lợi nhuận tối đa ngoài ra còn đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tình hình cấp phát và sử dụng vốn.

Qua thời gian thực tập tại công ty và chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Hoàng Tân” làm đề tài khóa luận là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với khả năng và trình độ của bản thân. Về mặt lý luận em đã trình bày một cách khái quát có hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu. Từ đó có thể vận dụng thích hợp đối với từng doanh nghiệp cụ thể.

Em xin chân thành cảm ơn Tiến sĩ Giang Thị Xuyên – Giảng viên trường Học Viện Tài Chính, các thầy cô giáo trong khoa kế toán của trường cùng với các anh chị cán bộ trong phòng kế toán của Công ty Cổ phần Hoàng Tân đã giúp đỡ em rất nhiều để hoàn thành khóa luận này. Dù đã cố gắng nghiên cứu tìm hiểu để hoàn thành bài khóa luận, song cũng không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định, em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo giúp em bổ sung và hoàn thiện bài khóa luận tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

## MỤC LỤC

|                                                                                               |          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>                                                                       | <b>1</b> |
| <b>Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT .....</b>   | <b>3</b> |
| 1.1: KHÁI QUÁT VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT .....                   | 3        |
| 1.1.1: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu.....                                  | 3        |
| 1.1.2: Phân loại nguyên vật liệu .....                                                        | 4        |
| 1.1.3: Tính giá NVL .....                                                                     | 6        |
| 1.1.4: Nhiệm vụ, yêu cầu đối với kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất .....    | 11       |
| 1.1.5: Thủ tục quản lý Nhập - Xuất - Tồn kho nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất..... | 12       |
| 1.2: CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....               | 13       |
| 1.2.1: Hạch toán chi tiết nguyên NVL theo phương pháp thẻ song song .....                     | 14       |
| 1.2.2: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển. ....     | 16       |
| 1.2.3: Phương pháp sổ số dư ( mức dư ) : .....                                                | 17       |
| 1.3: KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU.....                                                    | 19       |
| 1.3.1: Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. ....         | 19       |
| 1.3.2: Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....                           | 22       |
| 1.4: TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN .....                                                                 | 24       |
| 1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....                                                  | 24       |
| 1.4.2: Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....                                                | 26       |
| 1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....                                                | 28       |
| 1.4.4: Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ.....                                           | 30       |
| 1.4.5: Hình thức kế toán trên máy vi tính .....                                               | 31       |
| 1.5: VẤN ĐỀ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ..                                    | 33       |
| 1.6: VẤN ĐỀ KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU.....                                                      | 33       |

|                                                                                                                      |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Chương 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN TRONG QUÝ I NĂM 2011 .....</b>         | <b>34</b> |
| 2.1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN.....                                                               | 34        |
| 2.1.1: Sự ra đời và phát triển.....                                                                                  | 35        |
| 2.1.2: Tổ chức, bộ máy quản lý của công ty .....                                                                     | 36        |
| 2.1.3: Tổ chức sản xuất kinh doanh .....                                                                             | 39        |
| 2.1.4: Tổ chức công tác kế toán .....                                                                                | 41        |
| 2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán.....                                                                                 | 41        |
| 2.1.4.2: Vận dụng chế độ kế toán tại Công ty Cổ phần Hoàng Tân .....                                                 | 42        |
| 2.2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN.....                                  | 44        |
| 2.2.1: Phân loại và đánh giá về nguồn NVL .....                                                                      | 44        |
| 2.2.2: Tính giá NVL .....                                                                                            | 46        |
| 2.2.2.1: Tính giá NVL nhập kho .....                                                                                 | 46        |
| 2.2.2.2: Tính giá NVL xuất kho .....                                                                                 | 49        |
| 2.2.3: Tổ chức công tác kế toán NVL tại công ty CP Hoàng Tân .....                                                   | 51        |
| 2.2.3.1: Công tác tổ chức hạch toán ban đầu .....                                                                    | 51        |
| 2.2.3.2: Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.....                                                                       | 52        |
| 2.2.3.3: Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.....                                                                       | 59        |
| 2.2.4: Kế toán chi tiết NVL.....                                                                                     | 63        |
| 2.2.5: Kế toán tổng hợp NVL.....                                                                                     | 73        |
| 2.2.5.1 Chứng từ kế toán sử dụng: .....                                                                              | 73        |
| 2.2.5.2 Tài khoản kế toán sử dụng .....                                                                              | 73        |
| 2.2.5.3: Quy trình hạch toán.....                                                                                    | 73        |
| 2.2.6: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....                                                                           | 81        |
| 2.2.7: Công tác kiểm kê kho nguyên vật liệu tại công ty.....                                                         | 81        |
| <b>Chương 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN...</b> | <b>84</b> |
| 3.1: NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN.....                  | 84        |
| 3.1.1: Những ưu điểm.....                                                                                            | 85        |

|                                                                                                           |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 3.1.2. Những tồn tại.....                                                                                 | 87 |
| 3.2: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN<br>NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN..... | 89 |
| <b>KẾT LUẬN</b> .....                                                                                     | 96 |